DANH MỤC HÀNG HÓA
ĐỀ NGHỊ TƯ VẤN THẨM ĐỊNH E-HSMT VÀ THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU
Dự toán mua sắm vật tư tiêu hao năm 2022 của Bệnh viện đa khoa Hòe Nhai

(Kèm theo công văn số 998/BVHN-KD ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Bệnh viện đa khoa Hòe Nhai)

STT	STT trong gói thầu	Tên vật tư, hóa chất mời thầu	Mô tả, yêu cầu kỹ thuật	Phân nhóm theo TT14	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự kiến (đồng) (có VAT)	Thành tiền dự kiến (đồng) (có VAT)
	1. Gói thầu số 7: 196 mặt hàng vật tư y tế thông dụng							**3.197.307.340**
1	1	Bàn chải dánh tay phẫu thuật viên	Kích thước 4x10cm, đầu lông mềm. Đóng gói 1 cái/hộp.	6	Cái	50	23.100	1.155.000
2	2	Bản điện cực trung tính	Hydrogen tốt cho da tạo cảm giác thoải mái cho bệnh nhân Diện tích dẫn điện 134 cm². Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	6	Cái	1.500	30.000	45.000.000
3	3	Băng cá nhân 2x6cm	Băng dính đàn hồi, nền Visocose và polyamide, màu da. Nền keo dính tổng hợp, dung nạp tốt cho da, không dùng dung môi. Miếng gạc thấm hút ≥ 500%.	2	Miếng	16.320	690	11.260.800
4	4	Băng chun trắng 3 móc	Băng thun được làm từ sợi cotton se tròn, kết hợp với sợi cao su thiên nhiên. Kích thước: 10cm x 4,5m Có 3 móc	5	Cuộn	250	13.500	3.375.000
5	5	Băng dính y tế 8cm x 4,5m	Cotton 100%, keo Oxit kẽm không dùng dung môi, có kiểm tra vi sinh. Kích thước: 8cm x 4,5m	4	Cuộn	300	111.400	33.420.000
6	6	Băng dính y tế 5cm x 5m	- Băng có cấu tạo nền vải lụa acetate taffeta mịn, - Phủ lớp keo Acrylate không chứa mủ cao su, độ dính tốt, ít gây dị ứng và không sót keo khi tháo băng ra. - Có thể được xé theo 2 chiều một cách dễ dàng và thuận tiện - Bền chắc, thông thoáng cho da - Kích thước 5cm x 5m	2	Cuộn	4.400	40.000	176.000.000
7	7	Băng gạc lưới đắp vết thương 10cm x 10cm	- Thành phần lưới Polyester, Hydrocolloid và Vaseline, tiếp xúc lipido-colloid - Tiêu chuẩn chất lượng: CE, ISO, GMP	5	Miếng	120	35.900	4.308.000
8	8	Băng keo có gạc vô trùng 100mm x 90mm	Sợi polyester nền không đan dệt, co giãn, keo acrylic, có miếng gạc thấm hút, có phủ lớp chống dính polyethylene, kích thước 100x90mm	5	Miếng	2.600	5.817	15.124.200
9	9	Băng keo có gạc vô trùng 150mm x 90mm	Sợi polyester nền không đan dệt, co giãn, keo acrylic, có miếng gạc thấm hút, có phủ lớp chống dính polyethylene, kích thước 150x90mm	5	Miếng	2.100	7.375	15.487.500

10	10	Băng vô trùng trong suốt không thấm nước 53mm x 80mm	Lớp film mỏng bằng màng polyurethane bán thấm, mức thoát hơi nước ≥ 500 g/m2/24h, keo acrylic.	5	Miếng	10.800	5.090	54.972.000
11	11	Băng xô 10cm x 5m	Gạc hút nước dệt bằng sợi cotton 100%; Vải trắng không hồ, không mùi vị, không dính xơ bụi. Chiều dài: 5,0m ± 0,2m, chiều rộng: 10cm ± 0,4cm. Không lệch quá 5 sợi mỗi bên, thời gian chìm trong nước của Gạc không quá 10s. Khối lượng sấy khô không giảm quá 8,5%	6	Cuộn	450	1.680	756.000
12	12	Bao cao su	Bao cao su chất liệu latex, không mùi, mềm và mỏng, không gây kích ứng.	6	Cái	2.800	735	2.058.000
13	13	Bộ gây tê ngoài màng cứng	- Kim gây tê ngoài màng cứng đầu cong có vạch đánh dấu độ dài trên thân kim. - Ống bơm tiêm giảm kháng lực LOR giúp xác định khoang ngoài màng cứng. - Catheter bằng 2 lớp chất liệu Polyamide (đảm bảo độ cứng cần thiết) và Polyurethan (đảm bảo độ mềm mại mong muốn), đầu catheter có đường kính nhỏ dần dễ thao tác và giảm tổn thương nội mạch, 3 cặp lỗ phân bố thuốc lan tỏa đều khắp, đầu nối Catheter dạng nắp bật. - Màng lọc vi khuẩn: 0,2 µm, miếng cố định lọc - Syringer 20ml, 3ml. - Kim tiêm các loại.	3	Bộ	30	283.500	8.505.000
14	14	Bơm tiêm 10ml	- Bơm tiêm 10ml, khử trùng bằng khí E.O, vô trùng, không độc, không gây sốt. - Kích cỡ kim 25G x1", 23G x1". - Vật liệu làm đốc kim và nắp đậy bằng nhựa PP nguyên sinh, vật liệu làm thân kim bằng thép không gỉ. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	5	Cái	72.000	1.150	82.800.000
15	15	Bơm tiêm 1ml	- Bơm tiêm 1ml, khử trùng bằng khí E.O, vô trùng, không độc, không gây sốt. - Kích cỡ kim 26G x1/2", 25Gx 1", 25Gx 5/8". - Vật liệu làm đốc kim và nắp đậy bằng nhựa PP nguyên sinh, vật liệu làm thân kim bằng thép không gỉ - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	5	Cái	3.300	710	2.343.000
16	16	Bơm tiêm 20 ml	- Bơm tiêm 20ml, khử trùng bằng khí E.O, vô trùng, không độc, không gây sốt. - Kích cỡ kim 23Gx1". - Vật liệu làm đốc kim và nắp đậy bằng nhựa PP nguyên sinh, vật liệu làm thân kim bằng thép không gỉ - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	5	Cái	4.200	2.200	9.240.000
17	17	Bơm tiêm 3ml	- Bơm tiêm 3ml, khử trùng bằng khí E.O, vô trùng, không độc, không gây sốt.	5	Cái	1.200	710	852.000

			- Kích cỡ kim 25G x1", 25Gx 5/8", 23Gx1". - Vật liệu làm đốc kim và nắp đậy bằng nhựa PP nguyên sinh, vật liệu làm thân kim bằng thép không gỉ - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485					
18	18	Bơm tiêm 5 ml	- Bơm tiêm 5ml, khử trùng bằng khí E.O, vô trùng, không độc, không gây sốt. - Kích cỡ kim 25G x1", 25Gx 5/8", 23Gx1". - Vật liệu làm đốc kim và nắp đậy bằng nhựa PP nguyên sinh, vật liệu làm thân kim bằng thép không gỉ - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	5	Cái	80.000	710	56.800.000
19	19	Bơm tiêm 50ml	- Bơm tiêm 50ml, khử trùng bằng khí E.O, vô trùng, không độc, không gây sốt. - Vật liệu làm đốc kim và nắp đậy bằng nhựa PP nguyên sinh, vật liệu làm thân kim bằng thép không gỉ - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	5	Cái	1.000	5.000	5.000.000
20	20	Bơm tiêm điện 20ml	Dung tích 20ml đầu xoáy, tiệt trùng bằng chùm điện tử, (EB) sử dụng được cho máy bơm tiêm điện các hãng	6	Cái	320	3.360	1.075.200
21	21	Bơm tiêm điện 50ml	Dung tích 50ml, tiệt trùng bằng chùm điện tử (EB),sử dụng được cho máy bơm tiêm điện các hãng	6	Cái	500	10.290	5.145.000
22	22	Bơm tiêm tiểu đường	Bơm tiêm chuyên dùng để tiêm Insulin	5	Cái	900	1.800	1.620.000
23	23	Bơm truyền dịch tự động	- Bình chứa dung tích thực: 250 hoặc 275ml. Vỏ bình làm bằng chất liệu nhựa cứng không biến dạng khi bị tác động lực, không có cao su thiên nhiên và DEHP. Có vạch chia mức dung dịch còn lại trong bóng. - Bộ điều chỉnh tốc độ dòng chảy với 9 mức tốc độ điều chỉnh bao gồm: 0; 0.5; 1.0; 2.0; 3.0; 4.0; 5.0; 6.0; 7.0 (ml/giờ); - Cổng nạp thuốc sử dụng van 1 chiều, chống chảy ngược thuốc ra ngoài; - Bộ lọc không khí 1.2 µm; - Có bộ khóa điều chỉnh tốc độ, an toàn cho bệnh nhân.	6	Cái	20	550.000	11.000.000
24	24	Bông cắt vô trùng 2cm x 2cm	- Kích thước: 2x2cm - Chất liệu 100% bông xơ tự nhiên. Cấu trúc đơn bào, tạo nên từ các tế bào biểu bì của hạt, thành phần chính là Cellulose, màu trắng. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đóng gói: Gói 10 gam.	5	Gói	8.000	3.003	24.024.000
25	25	Bông gạc đắp viết thương 6 x 22 cm	- Chất liệu vải không dệt, và 100% bông tự nhiên. Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. - Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngậm nước ≥ 8gr nước/1gr gạc. - Kích thước: 6 cm x 22 cm - Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	5	Miếng	3.500	1.730	6.055.000

			- Đóng gói: 1 miếng/gói					
26	26	Bông thấm nước	- Chất liệu: 100% bông tự nhiên, khả năng thấm hút cao và nhanh, không gây kích ứng da.. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	5	Kg	22	138.500	3.047.000
27	27	Bột bó 10cm x 2,7m	- Chất liệu: Thạch cao nguyên chất ≥ 97%, gạc thấm hút 100% cotton.- Thời gian cứng bột từ 2 phút đến 3 phút, không sử dụng dung môi. - Kích thước: 10cm x 2,7m	5	Cuộn	80	7.245	579.600
28	28	Bột bó 15cm x 2,7m	- Chất liệu: Thạch cao nguyên chất ≥ 97%, gạc thấm hút 100% cotton. - Thời gian cứng bột từ 2 phút đến 3 phút, không sử dụng dung môi. - Kích thước: 15cm x 2,7m	5	Cuộn	20	10.815	216.300
29	29	Bột bó 7,5cm x 2,7m	- Chất liệu: Thạch cao nguyên chất ≥ 97%, gạc thấm hút 100% cotton. - Thời gian cứng bột từ 2 phút đến 3 phút, không sử dụng dung môi. - Kích thước: 7,5cm x 2,7m	5	Cuộn	90	6.200	558.000
30	30	Canuyn mayo	Ống thông đường thở: - Chất liệu: nhựa cứng PE, không có độc tố, và không gây kích ứng. - Kích cỡ: từ 4,0 đến 12,0 cm. Đầu có màu sắc khác nhau giúp phân biệt các cỡ. - Được tiệt trùng bằng khí ETO. - Đạt tiêu chuẩn ISO	6	Cái	510	4.500	2.295.000
31	31	Catheter 3 nòng	Bộ tiêm truyền tĩnh mạch trung tâm 3 nòng, gồm: - Ống thông 7F, dài 30cm, chất liệu polyurethan có độ tương thích sinh học cao. - Khả năng dò điện cực để đo ECG, xác định vị trí đặt catheter. - Guidewire đường kính 0,035", dài 70cm. - Dây dẫn hình chữ J, van chặn máu trào ngược và tránh tắc mạch - Tissue dialator 8F, kim thăm dò 18G, xi lanh 5ml - Tiêu chuẩn ISO	6	Cái	7	380.000	2.660.000
32	32	Catheter thận 2 nòng	Kích thước 12Fx16, 20cm Bao gồm: -1 catheter 2 nòng, chất liệu Polyurethane có cản quang. - 1 Guidewire 0,038''x 70cm. - 1 kim chữ Y 18G. - 2 nong -1 xilanh 5ml - Chỉ liền kim - Dao	6	Bộ	10	355.000	3.550.000

33	33	Chạc 3 tiêm không dây nối	- Chất liệu: + Thân: Polycarbonate.+ Cổng tiêm truyền: HD-Polyethylene+ Trục: Polycarbonate+ Nút chặn: Polypropylene+ Nắp bảo vệ: LD-polyethylene+ Núm vặn: MD-Polyethylene.- Thể tích đuổi khí 0,8 ml- Xoay được 360 độ, không có rò rỉ dịch ở mức 300kPa trong 30 giây ở 23°C- ISO 13485	6	Cái	7.500	8.000	60.000.000
34	34	Chỉ thị hóa học dùng cho đồ vải (hấp ướt)	Đặt bên trong gói dụng cụ để xác định tiệt khuẩn đạt hay không. Kiểm soát đồng thời 3 thông số: thời gian, nhiệt độ và áp suất	6	Miếng	15.000	2.600	39.000.000
35	35	Chỉ thị nhiệt thử chức năng máy hấp ướt	Có Acrylic và vạch mực chỉ thị hóa học. Vạch chỉ thị sẽ chuyển sang màu đen sau khi qua tiệt khuẩn. Kích thước 24mm x 55m	6	Cuộn	72	99.750	7.182.000
36	36	Dầu Parafin	Chai 500ml.	Không phân nhóm	Chai	36	60.000	2.160.000
37	37	Dầu soi kính hiển vi	Chai 500 mL	Không phân nhóm	Chai	3	1.878.000	5.634.000
38	38	Dây hút dịch phẫu thuật Fi 8	- Chất liệu được làm từ nhựa PVC y tế. - Ống dây mềm, dẻo, có lỗ, có tính đàn hồi cao. - Màu trắng tự nhiên dễ quan sát - Tiệt trùng bằng EOG. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	5	Cái	1.000	8.400	8.400.000
39	39	Dây nối bơm tiêm điện 140cm	- Đường kính trong: 0,9 mm. Đường kính ngoài: 1,9mm. - Thể tích mồi dịch 1ml. - Độ dài: 140cm. - Mềm dẻo, trong suốt, chống xoắn. - Chất liệu PVC, không có chất phụ gia DEHP. - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485 hoặc tương đương .	6	Cái	2.800	12.375	34.650.000
40	40	Dây thở oxy 2 nhánh người lớn, trẻ em (Gọng kính thở Oxy)	- Chất liệu PVC y tế. - Ống dây mềm, chống vặn xoắn, bề mặt trơn nhẵn, không bị ảnh hưởng bởi oxy hay thuốc trong điều kiện sử dụng bình thường. Đầu thở mềm, 2 ống thẳng đưa vào mũi. - Độ dài 2 mét. - Tiệt trùng bằng bằng khí Ethylene. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đóng gói túi 1 cái	5	Cái	2.800	5.500	15.400.000
41	41	Dây truyền dịch	- Chất liệu: PVC y tế, trong suốt không có bọt khí, không có chất DEHP, không gập, con lăn nhỏ.- Độ dài toàn bộ 180 cm, đường kính 3,8 - 4,1 mm, lòng dây được tráng silicon. - Bầu đếm giọt có cửa thông khí, có phin lọc, đầu kết nối không hở. - Đầu chọc có lỗ thông hơi, có khóa và bánh xe để điều chỉnh tốc độ. - Đầu kết nối có gen xoắn chặt với đốc kim tiêm và kim luồn. - Có kim tĩnh mạch, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh, vô khuẩn, không độc, các cỡ kim từ 18G đến 25G. - Đóng gói 1 cái/túi. . - Tiệt trùng bằng khí EO.- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	6	Bộ	22.000	5.000	110.000.000

42	42	Dây truyền máu	- Chất liệu: PVC y tế không gây sốt, không độc hại và không gây dị ứng - Dây dài chống xoắn, không gây độc gây sốt, đầu ghim vào túi máu khít, không bị rò rỉ. - Kim 18Gx1½ sắc. - Bầu đếm giọt có hai phần bầu trên và bầu dưới, đường kính màng lọc ở bầu đếm giọt 180µm, tốc độ đếm 20 giọt/ml. - Tiệt trùng bằng khí EO - Đóng gói 1 cái/túi. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	6	Bộ	150	13.000	1.950.000
43	43	Đè lưỡi gỗ tiệt trùng	- Chất liệu: gỗ tự nhiên. sấy khô, đánh bóng. - Kính thước: 150mm x 20mm 2mm. - Tiệt trùng bằng khí EO. - Đóng gói 1 cái/túi - Đạt tiêu chuẩn ISO	5	Cái	15.500	280	4.340.000
44	44	Điện cực tim	- Bề mặt tiếp xúc: dạng Gel AQUA-TAC, tiếp xúc ổn định, chất lượng truyền tín hiệu cao. - Đầu giắc nối với máy: kim loại phủ bạc, truyền tín hiệu chất lượng cao nhất. - Miếng dán: Dạng Foam bền, dính chặt ổn định, dễ dàng dán vào cũng như tháo ra, không làm ảnh hưởng đến da bệnh nhân. - Kích trước: hình tròn, đường kính 50mm.	3	Cái	9.500	1.600	15.200.000
45	45	Găng tay khám	- Chất liệu cao su thiên nhiên độ căng giãn đàn hồi tốt. - Chiều dài ≥ 240mm, chiều rộng từ 76 ± 3 mm đến 113 ± 3 mm; - Sử dụng bột ngô. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	5	Đôi	170.000	1.198	203.660.000
46	46	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng các số	- Chất liệu cao su thiên nhiên độ căng giãn đàn hồi tốt. - Sử dụng bột ngô.- Khử trùng bằng tia Gamma & ETO.- Kích cỡ găng: 5.5; 6.0; 6.5; 7.0; 7.5; 8.0; 8.5; 9.0. - Chiều dài tối thiểu 280mm, chiều rộng từ 71 ± 5mm đến 115 ± 5mm.- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	5	Đôi	15.700	5.350	83.995.000
47	47	Gel bôi trơn K-Y	- Dùng trong điện liệu pháp, kỹ thuật soi bàng quang, thăm khám bằng tay và bôi trơn để giảm bớt tình trạng khô âm đạo. - Tuýp 82g	Không phân nhóm	Tuýp	45	55.000	2.475.000
48	48	Gel siêu âm	- Tan trong nước, không có chất ăn mòn, không gây hỏng đầu dò, không mùi, không chứa chất bảo quản và không gây dị ứng. - Độ PH 6.5 ± 0,75, - Tổng số sinh vật hiếu khí nhỏ hơn 10^2 (CFU/g hoặc CFU/ml). - Thành phần: Nước , Carbomer, Glycerin, Natri benzoat...	5	Can	70	94.500	6.615.000
49	49	Giấy in ảnh siêu âm	- Giải màu xám hiển thị rõ nét với độ phân giải cao. - Độ bền hình ảnh tốt.	6	Cuộn	300	110.000	33.000.000

			- Kích thước: 110mm x 20m					
50	50	Giấy in máy điện tim 12 cần	Dùng cho máy điện tim 12 cần. Kích thước: 210mm x 140m	6	Tập	60	94.200	5.652.000
51	51	Giấy in máy điện tim 3 cần	Dùng cho máy điện tim 3 cần. Kích thước: 63mm x 30m	6	Tập	100	15.600	1.560.000
52	52	Giấy in máy điện tim 6 cần	Dùng cho máy điện tim 6 cần - Kích thước 110mm x 140m. - 1 tệp x 143sheet.	6	Tập	510	24.000	12.240.000
53	53	Giấy in nhiệt	Kích thước: 58mm x 30m	6	Cuộn	85	12.000	1.020.000
54	54	Hộp an toàn	Chất liệu: Giấy Duplex kháng thủng Màu sắc: Màu Vàng Y tế Kích thước: 150 x 120 x 270mm Dung tích: 5 lít	Không áp dụng	Cái	20	22.000	440.000
55	55	Kẹp mạch máu nội soi (Clip Polymer)	Chất liệu: Polymer. Dùng để cầm máu trong nội soi đường tiêu hóa	6	Cái	100	60.000	6.000.000
56	56	Kẹp mạch máu nội soi (Hemoclip)	Dùng để cầm máu trong nội soi đường tiêu hóa	6	Cái	60	35.000	2.100.000
57	57	Kim bướm	- Chất liệu làm thân kim bằng thép không gỉ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa. - Khử trùng bằng khí E.O, vô trùng, không độc, không gây sốt. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	5	Cái	6.000	1.200	7.200.000
58	58	Kim châm cứu các số	- Kích thước : 0,30mmx50mm; 0,30mmx25mm; 0,30mmx40mm; 0,25mmx25mm; 0,25mmx50mm; 0,25mmx40mm; 0,30mmx75mm. - Vỉ nhôm, cán đồng, có khuyên, thân kim sử dụng thép chuyên dụng, dẫn điện tốt. Thân kim nhỏ, đầu kim sắc nhọn. - Đóng gói: kim đóng vỉ, có thể lấy từng kim.	6	Cái	200.000	500	100.000.000
59	59	Kim chọc dò gây tê tủy sống các số	- Đầu kim có 3 mặt vát sắc dài 88mm.Thiết kế lăng kính pha lê phản quang trong chuôi kim. Lăng kính có màu sáng bạc trước khi có dịch não tuỷ chảy ra, lăng kính chuyển sang trong suốt khi có dịch não tuỷ chảy ra. - Các số: G18, G20, G22, G25, G27.- Đóng gói 1 cái/túi.- Đạt tiêu chuẩn ISO	3	Cái	100	28.000	2.800.000
60	60	Kim lấy thuốc các số	- Chất liệu làm thân kim bằng thép không gỉ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa. - Khử trùng bằng khí E.O, vô trùng, không độc, không gây sốt. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	5	Cái	90.000	350	31.500.000
61	61	Kim luồn tĩnh mạch có cánh các số	- Ống kim được làm từ thép không gỉ, đầu kim mài 3 mặt vát, sắc bén, dễ lấy ven. - Ống Catheter làm từ PTFE/FEP/PUR tương thích sinh học có tính đàn hồi, chống xoắn - gập. Đầu ống hình nón ôm sát kim dễ	6	Cái	8.000	3.600	28.800.000

			dàng luồn xuyên qua mô với vết rách nhỏ, ít đau. Thời gian lưu tối đa 96 giờ. - Cổng tiêm truyền có van silicone 1 chiều và có nắp với mầu sắc mặc định theo mỗi số kim. - Cánh định vị & dốc kim có điểm tỳ bằng nhựa - Khóa Luer ở đuôi ống catherter kết nối với mọi loại khóa 3 ngã, dây nối, dây truyền, ... - Khoang máu ở đốc kim có thiết kế giúp phát hiện nhanh đã "dò" đúng ven. - Đầu ống kim bị vô hiệu bằng chụp bảo vệ kim loại bọc nhựa gắn chặt vào ngay khi rút kim khỏi ống catheter loại trừ mọi nguy cơ lay truyền bệnh sang người khác do bị kim đâm. - Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide, không latex, không độc, không gây sốt.					
62	62	Kim nha khoa	- Kim sắc nhọn, sử dụng cho nha khoa. - Cỡ kim: 27Gx13/16	6	Cái	2.000	1.800	3.600.000
63	63	Kính che mặt	Dùng để che mặt chắn giọt bắn.	6	Cái	100	6.000	600.000
64	64	Lam kính	- Chất liệu kính soda vôi - Kích thước 25.4*76.2mm, độ dày 1.0-1.2mm, trong suốt, bề mặt phẳng, không mốc. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Không áp dụng	Hộp	40	19.000	760.000
65	65	Lưỡi dao mổ (loại 1)	- Dao sắc. - Chất liệu bằng thép không gỉ, tiệt trùng bằng tia gamma. - Các số 10, 11, 12 ,15, 20, 21, 22.	6	Cái	2.600	945	2.457.000
66	66	Lưỡi dao mổ (loại 2)	- Chất liệu được làm từ thép Carbon. - Lưỡi sao sắc, được tiệt trùng và đóng gói riêng từng cái - Số 15	3	Cái	7.000	4.830	33.810.000
67	67	Màng lọc khuẩn máy gây mê	Màng lọc khuẩn dùng cho máy gây mê kèm thở	6	Cái	1.500	24.000	36.000.000
68	68	Mask Ambu	- Có các cỡ từ 0-5. Có vòng nhiều màu sắc để phân biệt các kích cỡ. - Phần đệm ôm sát mặt có van 1 chiều điều chỉnh được.	6	Cái	3	21.000	63.000
69	69	Mask khí dung (người lớn, trẻ em)	- Chất liệu PVC, mềm, trong suốt, dây không bị vặn xoắn. - Tốc độ phun sương ≥ 0.25ml/phút. Kích cỡ hạt thuốc ≥ 5 µm. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	6	Cái	400	18.900	7.560.000
70	70	Mask Silicon (số 4÷5)	- Chất liệu: 100% Silicon - Các cỡ: 0, 1, 2, 3, 4, 5 - Đóng gói riêng lẻ từng túi 1 cái	6	Cái	5	370.000	1.850.000
71	71	Mask thanh quản	- Dùng để thông suốt đường thở trên - Cấu tạo: gồm một ống nòng to và đầu dưới có một bóng chèn hình elip. Sau khi đặt và bơm hơi, bóng này được úp kín với áp lực thấp quanh lối vào thanh quản. - Các số: 1,2,3,4,5	6	Cái	4	115.500	462.000

72	72	Mask thở Ô xy có túi (Ô xy mask túi)	- Chất liệu: nhựa PVC được dùng trong y tế. - Túi hơi dùng để dự trữ khí oxy. - Ống hơi được mở an toàn - Mask với dây đeo đàn hồi. - Kẹp mũi điều chỉnh được. - Mặt nạ cung ứng một nồng độ oxy cao với ống 2m. - Size: S, M, L, XL - Được tiệt trùng và đóng gói riêng lẻ trong từng túi	6	Cái	150	14.500	2.175.000
73	73	Mask thở Ô xy không túi	- Chất liệu PVC, mềm, trong suốt, dây không bị vặn xoắn. - Độ tập trung oxy: 30-45% với dòng chảy oxy là 5-6L/phút; 40-60% với dòng chảy oxy là 7-8L/phút. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	6	Cái	150	15.000	2.250.000
74	74	Miếng cầm máu mũi	- Chất liệu PVA hấp thụ cao phù hợp trong phẫu thuật trong hốc mũi - Kích thước 8cm x 1,5 cm x 2 cm. - Được nén kép, có thể cắt để tạo kích thước phù hợp; - Khả năng thấm hút ≥ 20 lần trọng lượng ban đầu.	Không áp dụng	Miếng	30	112.900	3.387.000
75	75	Miếng dán phẫu thuật vô trùng 15x28cm	- Trong suốt. - Vật liệu: polyurethane giúp hơi nước có thể bốc hơi qua đồng thời ngăn ngừa nước và vi khuẩn xâm nhập. - Kích thước: 15x28cm	6	Miếng	40	40.000	1.600.000
76	76	Miếng dán phẫu thuật vô trùng 28x30cm	- Trong suốt. - Vật liệu: polyurethane giúp hơi nước có thể bốc hơi qua đồng thời ngăn ngừa nước và vi khuẩn xâm nhập. - Kích thước: 30x28cm	6	Miếng	60	78.000	4.680.000
77	77	Mỏ vịt nhựa	- Chất liệu: nhựa PP nguyên sinh, độ trơn láng cao. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	5	Cái	1.700	3.200	5.440.000
78	78	Môi trường vận chuyển mẫu	Ống chứa môi trường dùng trong quá trình thu thập, vận chuyển và bảo quản mẫu bệnh phẩm có chứa virus	5	Ống	500	11.500	5.750.000
79	79	Nước cất 2 lần	- Nước cất 2 lần - pH: 6,2 - 7,2, - TDS: ≤ 0,5ppm, NH: 0 mg/l, Cl: ≤ 0,02mg/l. - Độ dẫn điện: ≤ 0.1 µS/cm.- Can 5 lít	5	Can	230	85.000	19.550.000
80	80	Ống đặt nội khí quản có bóng chèn	- Chất liệu: nhựa - Tiệt trùng đóng gói từng cái. - Có bóng. - Các số: Từ 2,5 đến số 8. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	3	Cái	1.000	58.000	58.000.000
81	81	Ống hút nhựa tiệt trùng	Chất liệu nhựa, sử dụng trong phẫu thuật	6	Cái	1.000	12.500	12.500.000
82	82	Ống hút thai các số	- Chiều dài ống khoảng 24 cm (9,5 in). - Đường kính có các kích thước: 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 12 mm. - Chất liệu: nhựa polypropelene không chứa latex. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Không phân nhóm	Cái	250	34.000	8.500.000

83	83	Ống nối nhựa thẳng	- Chất liệu: nhựa cứng, màu trắng. - Dài 10cm, đường kính 0,5cm.	Không phân nhóm	Cái	120	2.200	264.000
84	84	Parafin khô	Parafin ở dạng rắn, khô, không mùi	Không phân nhóm	Kg	150	90.000	13.500.000
85	85	Phim X quang kỹ thuật số dùng cho máy in phim laser DI-HL kích thước 35*43cm	- Kích thước: 35x43 cm. - Tương thích với máy in phim khô laser DI-HL. - Phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. - Lắp được trong điều kiện ánh sáng ban ngày. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	1	Tờ	1.500	38.000	57.000.000
86	86	Phim X quang kỹ thuật số dùng cho máy in phim laser DI-HL kích thước 20*25cm (8*10 inch)	- Kích thước: 20x25 cm. - Tương thích với máy in phim khô laser DI-HL. - Phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. - Lắp được trong điều kiện ánh sáng ban ngày. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	1	Tờ	10.000	15.800	158.000.000
87	87	Phim X quang kỹ thuật số dùng cho máy in phim laser DI-HL kích thước 25*30cm (10*12 inch)	- Kích thước: 25x30 cm. - Tương thích với máy in phim khô laser DI-HL. - Phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. - Lắp được trong điều kiện ánh sáng ban ngày. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	1	Tờ	10.000	21.000	210.000.000
88	88	Phim X quang kỹ thuật số dùng cho máy in phim laser Dryview CareStream, kích thước 20*25cm (8*10 inch)	- Kích thước: 20x25cm - Tương thích với máy in phim khô laser Dryview CareStream - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	3	Tờ	5.000	18.400	92.000.000
89	89	Phim X quang kỹ thuật số dùng cho máy in phim laser Dryview CareStream, kích thước 25*30cm (10*12 inch)	- Kích thước: 25x30cm- Tương thích với máy in phim khô laser Dryview CareStream- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	3	Tờ	5.000	27.000	135.000.000
90	90	Que lấy bệnh phẩm (phết tế bào âm đạo)	- Chất liệu: gỗ - Dùng để lấy tế bào và niêm dịch cổ tử cung, phát hiện sớm ung thư cổ tử cung. - Không làm tổn thương cổ tử cung của bệnh nhân - Tiệt trùng bằng tia phóng xạ Gamma	Không phân nhóm	Que	1.000	900	900.000
91	91	Que tăm bông ngoáy tỵ hầu	Que tăm bông dài 153mm, 1 đầu có trang bị bông để lấy dịch virus qua đường mũi, họng. Tại vị trí 1/2 que có 1 khấc nhỏ để có thể thao tác bẻ que một cách dễ dàng. Khi bẻ, 1/2 que sẽ nằm	6	Cái	500	1.200	600.000

			lại trong ống môi trường vận chuyển virus.					
92	92	Sonde dạ dày các số	- Chất liệu nhựa - Không gãy gập ống. - Đóng gói tiệt trùng.	6	Cái	135	16.372	2.210.220
93	93	Sonde dẫn lưu cao su trắng	- Chất liệu: nhựa PVC y tế. - Màu trắng không tạp chất, ống dây mềm, dẻo, có lỗ, có tính đàn hồi cao. - Tiệt trùng bằng EOG. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	5	Cái	70	11.000	770.000
94	94	Sonde dẫn lưu silicon các cỡ	Sonde bằng nhựa có phủ silicon	Không phân nhóm	Cái	170	9.400	1.598.000
95	95	Sonde Foley 2 nhánh	- Chất liệu: cao su. - Kích thước đầu tip: 21-24mm. - Chiều dài tổng thể: 400mm, chiều dài phễu: 40mm, dung tích bóng chèn: 30ml. - Có 2 nhánh	6	Cái	480	18.700	8.976.000
96	96	Sonde Foley 3 nhánh	- Chất liệu: cao su. - Kích thước đầu tip: 21-24mm. - Chiều dài tổng thể: 400mm, chiều dài phễu: 40mm, dung tích bóng chèn: 30ml. - Có 3 nhánh	6	Cái	40	45.000	1.800.000
97	97	Sonde hút dịch	- Các cỡ: 8,10,12,14,16. - Đóng gói 1 cái/gói.	6	Cái	1.100	11.000	12.100.000
98	98	Sonde tiểu nelaton	- Chất liệu cao su tự nhiên phủ silicon. - Có các cỡ 12-24Fr.	6	Cái	20	5.000	100.000
99	99	Tay dao mổ điện điều khiển bằng chân, dùng 1 lần (Dao điện chân)	Dao mổ điện điều kiển bằng chân	6	Cái	50	37.000	1.850.000
100	100	Tay dao mổ điện sử dụng nút bấm, dùng 1 lần (Dao điện tay)	- Chiều dài: 3m- Kiểu giắc cắm: giắc dẹt 3 chân tròn- Nút bấm tay dao: 2 nút	6	Cái	1.500	37.000	55.500.000
101	101	Thẻ thu mẫu để làm xét nghiệm H.pylori	Mỗi bộ gồm: 1 viên nang chứa lượng C14 có cường độ phóng xạ là 27,8KBq và 1 tấm thẻ để thổi hơi vào sau khi uống 1 viên nang C14.	Không phân nhóm	Bộ	30	280.000	8.400.000
102	102	Túi đựng nước tiểu	- Chất liệu: PVC - Thể tích 2.000ml có chia vạch. - Đảm bảo kín không rò rỉ. - Có van vặn, chống trào ngược. - Có quai treo đục lỗ. - Vô trùng	6	Cái	490	5.150	2.523.500
103	103	Túi hậu môn nhân tạo	- Túi hậu môn nhân tạo dùng chứa phân.	Không phân	Cái	55	40.488	2.226.840

			- Xà dược, màu trắng nâu. - Bám dính tốt, chắc chắn, an toàn.	nhóm				
104	104	Túi nylon máy sắc thuốc	Mỗi cặp gồm 2 cuộn nylon, rộng 10cm, dài 400m. Kích thước túi 10x15,5cm	Không phân nhóm	Cặp	20	900.000	18.000.000
105	105	Vật liệu cầm máu tự tiêu 10cm x 20cm	- Dạng lưới mềm, tự tiêu, bám tốt vào bề mặt không bằng phẳng. - Chất liệu: Cellulose oxi hóa tái tổ hợp nguồn gốc thực vật. - Kích thước 10 x 20cm. - Có tính kháng khuẩn. - pH thấp 2,4 (giúp co mạch tại chỗ, đẩy nhanh quá trình hình thành nút tiểu cầu) - Tự tiêu sau 7 - 14 ngày - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	1	Miếng	12	420.000	5.040.000
106	106	Vật liệu cầm máu tự tiêu 2,5cm x 5,1cm	- Dạng bông xốp sợi ngắn, tự tiêu, có nhiều lớp có thể tách ra hoặc cắt, xé, cuộn lại để đưa vào các vị trí nhỏ, bám tốt vào mô chảy máu. - Chất liệu: Cellulose oxi hóa tái tổ hợp nguồn gốc thực vật. - Kích thước 2,5 x 5,1cm - Có tính kháng khuẩn - pH thấp 2,4 (giúp co mạch tại chỗ, đẩy nhanh quá trình hình thành nút tiểu cầu) - Tự tiêu sau 7 - 14 ngày - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	1	Miếng	20	431.445	8.628.900
107	107	Vôi Soda	- Thành phần chính Ca(OH)2. NaOH. - Hấp thụ CO2 đồng nhất	Không phân nhóm	Can	25	510.000	12.750.000
108	108	Vòng đeo tay người bệnh	- Chất liệu PVC. - Có các màu: xanh, hồng, trắng, vàng, đỏ ... - Có chỗ ghi thông tin bệnh nhân. - Có đục lỗ (12,14,16) hoặc không có lỗ.	6	Cái	2.600	1.500	3.900.000
109	109	ASLO Latex	Letex 1x5ml, Pos 1x1ml, Neg 1x1ml (lọ 100 test)	Không phân nhóm	Lọ	1	750.000	750.000
110	110	RF Latex	Letex 1x5ml, Pos 1x1ml, Neg 1x1ml (lọ 100 test)	Không phân nhóm	Lọ	1	750.000	750.000
111	111	Cốc đựng bệnh phẩm có nắp	- Chất liệu: nhựa y tế không phản ứng với hóa chất, bệnh phẩm bên trong, màu trắng trong. - Có nắp màu đỏ, dung tích 50ml, trên lọ có dán nhãn để ghi thông tin bệnh nhân. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Không phân nhóm	Cái	2.800	1.300	3.640.000
112	112	Đầu côn vàng	- Đầu côn vàng dung tích 200 ul. - Chất liệu: nhựa PP, không kim loại, không DNAse, RNAse. - Thiết kế phù hợp với các loại pipet trên thị trường, đảm bảo dung tích chính xác. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Không phân nhóm	Cái	15.000	40	600.000

113	113	Đầu côn xanh	- Đầu côn xanh dung tích 1000 ul - Chất liệu: nhựa PP, không kim loại, không DNAse, RNAse. - Thiết kế phù hợp với các loại pipet trên thị trường, đảm bảo dung tích chính xác. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Không phân nhóm	Cái	3.000	80	240.000
114	114	Đầu côn trắng	- Đầu côn xanh dung tích 10 ul - Chất liệu: nhựa PP, không kim loại, không DNAse, RNAse. - Thiết kế phù hợp với các loại pipet trên thị trường, đảm bảo dung tích chính xác. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Không phân nhóm	Cái	5.000	75	375.000
115	115	Huyết thanh định nhóm ABO	Mỗi bộ gồm 3 lọ huyết thanh mẫu: Anti A, Anti B, Anti AB	Không phân nhóm	Bộ	30	294.000	8.820.000
116	116	Huyết thanh định nhóm máu RH1	Huyết thanh mẫu Anti D	Không phân nhóm	Lọ	20	249.000	4.980.000
117	117	Ống Ependorf	- Chất liệu nhựa PP nguyên sinh - Dung tích mẫu 0,5ml, 1,5ml, 2ml. - Sử dụng cùng với máy ly tâm. Chịu được lực ly tâm 20.000 RPM, nhiệt độ (-196) - 120 độ C (đun sôi được). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Không phân nhóm	Ống	2.500	168	420.000
118	118	Ống nghiệm có nắp, chứa chất chống đông EDTA	- Chất liệu: Nắp bằng nhựa PE và thân bằng nhựa PP. - Kích thước 12 x 75mm - Thể tích lấy máu: 2ml; thể tích ống: 5ml - Hóa chất bên trong: EDTA K2 - Màu nắp: Tím, Xanh Dương - Có vạch thể tích trên thân ống cho dung tích lấy máu chính xác - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Không phân nhóm	Ống	30.000	900	27.000.000
119	119	Ống nghiệm có nắp, chứa chất chống đông Hepain	- Chất liệu: Nắp bằng nhựa PE và thân bằng nhựa PP.- Kích thước 12 x 75mm, - Thể tích lấy máu: 2ml; thể tích ống: 5ml- Hóa chất bên trong: Lithium Heparin- Màu nắp: Xanh lá, Đen- Có vạch thể tích trên thân ống cho dung tích lấy máu chính xác- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Không phân nhóm	Ống	50.000	790	39.500.000
120	120	Ống nghiệm có nắp, chứa chất chống đông Natricitrat	- Chất liệu: Nắp nhựa HDPE và thân bằng nhựa PP. - Kích thước 12 x 75mm. - Thể tích lấy máu: 1.8ml; thể tích ống: 5ml - Hóa chất bên trong: Sodium Citrate 3.8% - Màu nắp: Xanh dương - Có vạch thể tích trên thân ống cho dung tích lấy máu chính xác - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Không phân nhóm	Ống	4.000	700	2.800.000
121	121	Ống nghiệm có nắp, chứa hạt chống đông serum	- Chất liệu: nhựa PP 5ml - Kích thước: 12 x 75mm - Có chứa hạt Poly Styrence hình bi bên trong - Màu nắp: đỏ.	Không phân nhóm	Ống	3.000	1.000	3.000.000

			- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485					
122	122	Ống nghiệm có nắp 5ml	- Chất liệu: Nhựa. - Màu: trắng - Có nắp. - Thể tích: 5mL	Không phân nhóm		10.000	395	3.950.000
123	123	Que thử nước tiểu dùng cho máy bán tự động 11 thông số	Que thử nước tiểu sử dụng trên máy Urilyzer 100 Pro. Dùng để xác định ascorbic acid, bilirubin, blood, glucose, ketones, leucocytes, nitrite, pH, protein, tỉ trọng và urobilinogen trong nước tiểu người	Không phân nhóm	Test	16.500	4.400	72.600.000
124	124	Test HP dạ dày (tìm Urease)	Hộp 2 lọ	Không phân nhóm	Hộp	20	420.000	8.400.000
125	125	Tem barcode	Tem barcode	Không phân nhóm	Cuộn	15	2.592.000	38.880.000
126	126	Đỏ Fuchsin	Chai 25 gam	Không phân nhóm	Chai	3	750.000	2.250.000
127	127	Dung dịch Lugol	3%, chai 500mL	Không phân nhóm	Chai	3	105.000	315.000
128	128	Giemsa	Chai 1 lít	Không phân nhóm	Chai	3	1.580.000	4.740.000
129	129	Tím Gentian	Chai 500mL	Không phân nhóm	Chai	3	198.000	594.000
130	130	Xanh Cresyl	Chai 500mL	Không phân nhóm	Chai	2	1.498.000	2.996.000
131	131	Xanh methylen	Nhuộm vi khuẩn Xanh Methylen lên mầu xanh, chai 500mL	Không phân nhóm	Chai	3	233.970	701.910
132	132	Canxi hydroxid	Lọ 10g	Không phân nhóm	Lọ	2	89.000	178.000
133	133	Trâm gai	Gồm những sợi dây có gai, có kích thước lớn nhỏ, thường có những màu sắc khác nhau ở tay cầm để đối ứng với kích thước ống tủy của trâm gai.	Không phân nhóm	Cái	30	10.000	300.000
134	134	Chất hàn tạm Caviton	Lọ 30g	Không phân nhóm	Lọ	7	300.000	2.100.000
135	135	Chổi đánh bóng	Dùng để đánh bóng bề mặt răng	Không phân nhóm	Cái	20	4.000	80.000
136	136	Cốc đánh bóng	1,23% APF kết dính tốt, rửa sạch hoàn toàn và dễ dàng, đánh bóng sạch sẽ, hương vị thơm dịu, không chứa gluten	Không phân nhóm	Cái	30	4.200	126.000
137	137	Côn gutta percha	- Giúp trám bít ống tủy dễ dàng và nhanh chóng, tính cản quang cao. - Gồm nhiều kích cỡ và độ thuôn khác nhau và có vạch đánh dấu chiều dài.	Không phân nhóm		40	56.000	2.240.000
138	138	Dung dịch CPC	Dung dịch sát trùng ống tủy, dùng trong chuyên khoa răng hàm	Không phân	Lọ	1	213.000	213.000

			mặt. Lọ 15ml	nhóm				
139	139	Dung dịch Eugenol (lọ 30 ml)	Chất dầu lỏng sánh, màu vàng sáng, mùi cay nhẹ, hơi có tính a xít, sát khuẩn và làm dịu đau. Lọ 30ml	Không phân nhóm	Lọ	2	90.000	180.000
140	140	Fuji II (15g)	Chất hàn răng Fuji II. Lọ 15g	Không phân nhóm	Hộp	3	1.245.000	3.735.000
141	141	Fuji IX	Chất hàn răng Fuji IX. Lọ 15g	Không phân nhóm	Hộp	3	1.120.000	3.360.000
142	142	Lentulo	- Dùng quay thuốc trám bít ống tủy.- Quay cement gắn chốt/cùi giả, cao su lỏng khi lấy dấu…- Chất liệu: thép không gỉ, có độ đàn hồi, mềm dẻo linh hoạt. - Chịu được nhiệt độ hấp khử trùng tái sử dụng mà không bị biến dạng biến tính.- Hộp 4 cây	Không phân nhóm	Cây	10	96.000	960.000
143	143	Nhộng chảy đặc các màu	Là composite nano-hyprid optimized dạng dẻo quang trùng hợp, dùng để các răng trước và sau	Không phân nhóm	Nhộng	50	28.000	1.400.000
144	144	Tăm bông nha khoa	Sử dụng để chấm bond,vật liệu keo trong quá trình làm răng	Không phân nhóm	Cái	600	750	450.000
145	145	Tê bôi	Gây tê trong điều trị nha khoa. Không có vị đắng. Lọ 20ml	Không phân nhóm	Lọ	1	178.500	178.500
146	146	Dung dịch rửa tay phẫu thuật	- Thành phần: Chlorhexidine digluconate 4% (1,1 Hexamethylenebis (5-(4-Chlorophenyl)- biguanide) digluconate 4%). - Công dụng: Diệt khuẩn, nấm, hiệu quả trên virus. Diệt vi khuẩn đa kháng gây nhiễm khuẩn bệnh viện: MRSA, ESBL, Acinetobacter baumannii... - Chai 1 lít - Đạt tiêu chuẩn EN 12791	Không phân nhóm	Chai	50	209.000	10.450.000
147	147	Dung dịch rửa tay phẫu thuật	- Thành phần: Chlohexidine Gluconate 2% (tương đương Chlorhexidine 22,5 g/l) Isopropanol < 10%, Acetic acid glacial < 1%. - Công dụng: Diệt khuẩn nhanh, phổ rộng, tác động diệt khuẩn duy trì kéo dài trong 4 giờ, chất làm mềm, dưỡng ẩm - Can 5 lít	Không phân nhóm	Lít	10	290.000	2.900.000
148	148	Dung dịch sát khuẩn tay chứa cồn	Chai 500ml	Không phân nhóm	Chai	1.000	52.500	52.500.000
149	149	Dung dịch ngâm dụng cụ	- Thành phần: Polyhexanide, didecyldimethylammonium chloride, ion Mg2+ và Ca2+, phức hợp tẩy rửa không ion như các cồn béo ethoxyl, chất ức chế ăn mòn, mùi thơm và màu. - Chai 1 lít	Không phân nhóm	Chai	8	299.255	2.394.040
150	150	Dung dịch khử khuẩn và làm sạch dụng cụ	- Thành phần: 6,5% Didecyldimethylammonium chloride, chlorhexidine digluconate, chất hoạt động bề mặt không ion, chất tạo màu, mùi, các thành phần khác. - Chai 1 lít	Không phân nhóm	Chai	2	299.255	598.510

151	151	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao cho dụng cụ y tế	- Thành phần: Ortho phthaladehyde 0,55%. - pH 7.2- 7.8. - Thời gian ngâm khử khuẩn cho dụng cụ: ≤ 5 phút, tái sử dụng trong vòng ≥ 14 ngày.Thời gian bảo quản dung dịch trong can là ≥ 75 ngày tính từ khi mở nắp. - Không gây ăn mòn dụng cụ, tương thích với nhiều loại dụng cụ và vật liệu (kể cả Polystyrene, Cyanoacrylate, Silicone rubber)- Diệt được hầu hết các loại vi khuẩn, vi rút, trực khuẩn lao (kể cả Mycobacterium bovis). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng EC, ISO	Không phân nhóm	Can	33	1.008.000	33.264.000
152	152	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ y tế hoạt tính enzyme	- Thành phần: Hoạt chất Protease enzyme 0,5% kl/kl - pH trung tính không gây ăn mòn dụng cụ. - Tác dụng sau 1 phút. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng EC, ISO	Không phân nhóm	Chai	6	650.000	3.900.000
153	153	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ y tế hoạt tính enzyme	- Thành phần: ≤5% chất hoạt động bề mặt không ion và anion, enzymes (protease) - pH: 10,4-10,8 - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Không phân nhóm	Can	13	2.325.000	30.225.000
154	154	Hóa chất xịt đánh bóng, bôi trơn dụng cụ	- Thành phần: Pparaffinum liquidum cấp thực phẩm và dược phẩm, chất hoạt động bề mặt không ion,propane gas propan / butan - Công dụng: + Bảo vệ, làm sáng bóng dụng cụ có bề mặt kim loại, đặc biệt các dụng cụ có bản lề, dụng cụ phẫu thuật + Xịt lên dụng cụ sau khi rửa khử khuẩn, không ảnh hưởng đến quá trình hấp tiệt trùng sau đó + Bảo vệ hình thức, hiệu quả sử dụng lâu dài của dụng cụ - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Không phân nhóm	Bình	15	870.000	13.050.000
155	155	Hóa chất khử khuẩn dụng cụ mức độ cao	- Thành phần: Dung dịch 1% (tương đương 10g bột / lít) chứa 0.15% peracetic acid. <5% phosphates, chất hoạt động bề mặt không ion, >30% chất tẩy trắng gốc oxy - Công dụng: + Sử dụng trong quá trình rửa, ngâm thủ công (trong bồn rửa hoặc máy rửa siêu âm) các dụng cụ y tế, đặc biệt là dụng cụ nội soi. + Có tác dụng khử khuẩn, bao gồm vi khuẩn, nấm, vi khuẩn lao, virus, bào tử. - Dạng bột để pha thành dung dịch. - Dung dịch thay mới hàng ngày - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Không phân nhóm	Hộp	25	2.400.000	60.000.000
156	156	Dung dịch đánh gỉ dụng cụ	- Thành phần: ≤ 5% chất hoạt động bề mặt không ion, > 30% phosphates- Công dụng: + Đánh tan gỉ sắt, các vết ố bẩn bám trên bề mặt dụng cụ phẫu thuật và các dụng cụ làm từ thép không gỉ, làm sáng bóng dụng cụ.+ Sử dụng trong bồn rửa hoặc	Không phân nhóm	Can	10	766.000	7.660.000

			máy rửa sóng siêu âm- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485					
157	157	Dung dịch diệt khuẩn bề mặt	Dùng để phun khử khuẩn bề mặt. Can 5 lít	Không phân nhóm	Can	24	725.000	17.400.000
158	158	Cloramin B 25%	Hàm lượng 25% Clo hoạt tính.	Không phân nhóm	Kg	20	165.000	3.300.000
159	159	Presept (2,5g)	- Thành phần: 50% Sodium Dichloroisocyanurate (Natri Dichloroisocyanurate 2.5g). - Dạng viên sủi tan nhanh trong nước tạo dung dịch có pH acid 6.2. - Công dụng: Khử khuẩn dụng cụ, bề mặt, đồ vải. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Không phân nhóm	Viên	6.000	5.500	33.000.000
160	160	Hóa chất xử lý nước Chlorin	- Hàm lượng: Clo ≥ 70% - Hình thái: Dạng hạt (bột trắng đục).	Không phân nhóm	Kg	70	90.000	6.300.000
161	161	Dung dịch Javen	- Nồng độ Clo hữu hiệu ≥ 10%. - Dung dịch màu vàng nhạt. - Tỷ trọng 1 lít = 1,150 kg	Không phân nhóm	Lít	600	10.450	6.270.000
162	162	Dung dịch Ô xi già 3%	Dung dịch Ô xi già 3%, chai 500ml	Không phân nhóm	Chai	16	13.650	218.400
163	163	Dung dịch Phormandehyd	Đạt tiêu chuẩn dược dụng của Dược diển Việt Nam	Không phân nhóm	Chai	6	139.000	834.000
164	164	Khí ô xy y tế 10 lít	Khí ô xy dùng trong y tế chứa trong bình chuyên dụng thể tích 10 lít. Khí ô xy có độ tinh khiết 99,8% ô xy dược dụng. Vỏ bình phải được kiểm định độ an toàn và hạn kiểm định được in lên vỏ bình, còn hiệu lực. (Đổi khí, vỏ bình luân chuyển)	Không phân nhóm	Bình	46	47.520	2.185.920
165	165	Khí ô xy y tế 40 lít	Khí ô xy dùng trong y tế chứa trong bình chuyên dụng thể tích 40 lít. Khí ô xy có độ tinh khiết 99,8% ô xy dược dụng. Vỏ bình phải được kiểm định độ an toàn và hạn kiểm định được in lên vỏ bình, còn hiệu lực. (Đổi khí, vỏ bình luân chuyển)	Không phân nhóm	Bình	590	82.000	48.380.000
166	166	Khí CO2 5kg	Khí CO2 chứa trong bình chuyên dụng, trọng lượng khí 5kg.	Không phân nhóm	Bình	10	70.000	700.000
167	167	Bảng che khám mắt	Bảng dùng để che khi khám mắt	Không phân nhóm	Cái	3	60.000	180.000
168	168	Bộ đặt nội khí quản 4 lưỡi	Bộ đặt nội khí quản 4 lưỡi	3	Bộ	2	1.530.000	3.060.000
169	169	Bao đo huyết áp điện tử dành cho nnguời lớn	Bao đo huyết áp phụ kiện thay thế cho máy monitor, dùng được cho người lớn và trẻ em.	Không phân nhóm	Cái	6	186.000	1.116.000
170	170	Dây garo cao su có dính dán	- Chất liệu thun, cotton - Dài 25 cm, rộng 2,5cm	6	Cái	70	3.400	238.000

			- Có khóa và dính băng dính 2 đầu					
171	171	Cân sức khỏe	Cân đo khối lượng, chiều cao	Không phân nhóm	Cái	1	1.620.000	1.620.000
172	172	Đèn cực tím di động	Đèn cực tím, có bánh xe có thể di chuyển.	6	Cái	2	1.800.000	3.600.000
173	173	Đèn hồng ngoại chân dài	Đèn hồng ngoại có chân dài	5	Cái	10	1.400.000	14.000.000
174	174	Đèn Clar có sạc	Đèn Clar có sạc	Không phân nhóm	Cái	10	685.000	6.850.000
175	175	Đệm chống lở loét	Đệm chống lở loét	Không phân nhóm	Cái	1	1.020.000	1.020.000
176	176	Đồng hồ oxy	Bộ bao gồm đồng hồ + bình làm ẩm	6	Cái	20	320.000	6.400.000
177	177	Hộp tiểu phẫu đầy đủ chi tiết	Bao gồm: 1. Cán dao số 4 2. Lưỡi dao 15 3. Lưỡi dao 23 4. Panh thẳng không mấu 13 cm 5. Kéo cong 14 cm 6. Panh cong có mấu 14 cm 7. Kẹp kim 14 cm 8. Kéo 2 tù 14 cm 9. Kéo 1 tù 1 mấu 12 cm 10. Nhíp adson không mấu 12 cm 11. Nhíp cong 12 cm 12. Hộp Inox	Không phân nhóm	Bộ	1	235.000	235.000
178	178	Huyết áp điện tử	- Phương pháp đo: Đo dao động. Giới hạn đo: + Huyết áp: 0 tới 299 mm Hg + Nhịp tim: 40 tới 180 nhịp/phút. - Độ chính xác: + Huyết áp: ±3 mm Hg. + Nhịp tim: ±5%.	Không phân nhóm	Cái	10	1.050.000	10.500.000
179	179	Huyết áp cơ (gồm máy đo và ống nghe)	Gồm có: Bao huyết áp, đồng hồ hiển thị chỉ số và ống nghe:- Vòng bít làm bằng chất liệu vải có độ bền cao. - Hệ thống dây dẫn khí bằng cao su chống oxy hoá. - Đồng hồ áp lực hiển thị áp suất chuẩn (không bị lệch điểm không). - Tai nghe có độ khuyếch đại lớn, êm, không đau tai.	6	Bộ	14	450.000	6.300.000
180	180	Kéo thẳng nhọn 16cm	Kéo thẳng nhọn 16cm làm bằng chất liệu thép, vật liệu không gỉ	6	Cái	2	40.000	80.000
181	181	Khay Inox 17x23cm	- Chất liệu: Inox, không bị nhiễm từ, có độ bền cơ học cao. - Kích thước: 17x23cm	Không phân nhóm	Cái	10	58.000	580.000
182	182	Khay Inox 32x22cm	- Chất liệu: Inox, không bị nhiễm từ, có độ bền cơ học cao. - Kích thước: 32x22cm	Không phân nhóm	Cái	10	95.000	950.000
183	183	Khay Inox 30x40cm	- Chất liệu: Inox, không bị nhiễm từ, có độ bền cơ học cao.	Không phân	Cái	10	65.000	650.000

			- Kích thước: 30x40cm	nhóm				
184	184	Khay Inox quả đậu	- Chất liệu: Inox chất liệu không gỉ sét, - Kích thước Dài 25cm, rộng 20cm. - Khay hình quả đậu.	Không phân nhóm	Cái	16	55.000	880.000
185	185	Nhiệt kế thủy ngân	- Gồm 2 phần: Phần cảm nhận nhiệt độ là bầu đựng thủy ngân và phần hiển thị kết quả là thang chia vạch. - Dùng để đo nhiệt độ cơ thể	6	Cái	76	20.000	1.520.000
186	186	Máy khí dung	- Máy khí dung: 01 cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ	4	Cái	2	1.480.000	2.960.000
187	187	Máy điện châm	- Cấu hình: 1 máy; bút thử 1 cái; Bộ dây điện cữ (1 đầu kẹp) 1 bộ; Miếng cao su dẫn điện 10 chiếc; Miếng cao su tự dính 2 chiếc. - Tính năng: ó chức năng dò huyệt. - Hẹn giờ 60 phút. - Cảnh báo bằng âm thanh. - Dùng nguồn điện rực tiếp hoặc pin sạc lắp trong.	6	Cái	20	2.000.000	40.000.000
188	188	Máy điện xung	- Tần số sóng trung tần: 2 kHz - 6 kHz. Tần số sóng thấp tần điều chỉnh: 1 - 150 Hz. - Điện áp nguồn: 220V±22V/50Hz±1Hz.	6	Cái	5	4.500.000	22.500.000
189	189	Giường xông thuốc	- Bao gồm: Giường và máy xông. - Thông số kỹ thuật: + Quy cách giường 1900*650*650 - Máy xông điện áp: AC 220V/50Hz; công suất: 850w; nhiệt độ: từ cấp 1---> cấp 9.	Không phân nhóm	Cái	3	7.000.000	21.000.000
190	190	Xe lăn vận chuyển người bệnh	Xe lăn sử dụng cho bệnh nhân hoặc người khuyết tật , khung sắt mạ crom, ghế bằng vải, không có điều khiển.	Không phân nhóm	Cái	5	1.745.000	8.725.000
191	191	Dây máy điện châm	Dùng cho máy điện châm	6	Bộ	100	126.000	12.600.000
192	192	Bóng đèn cực tím 90 cm	Bóng dùng để lắp đèn cực tím 90 cm	Không phân nhóm	Cái	5	85.000	425.000
193	193	Bóng đèn đặt nội khí quản	Chất liệu thép, vật liệu không gỉ	Không phân nhóm	Cái	5	35.000	175.000
194	194	Bóng đèn gù	Bóng đèn dùng để lắp cho đèn gù phẫu thuật	Không phân nhóm	Cái	5	45.000	225.000
195	195	Bóng đèn Halogen 15v-150W	Bóng đèn Halogen 15v-150W chất liệu thủy tinh, kích thước 2x2x5cm	Không phân nhóm	Cái	5	250.000	1.250.000
196	196	Bóng đèn hồng ngoại	Dùng để lắp cho đèn hồng ngoại	Không phân nhóm	Cái	5	90.000	450.000
	2. Gói thầu số 8: 20 mặt hàng áo giấy, gạc, khẩu trang và các vật tư dùng trong phẫu thuật							**978.447.600**
197	1	Áo giấy phẫu thuật tiệt trùng loại 1	Cấu hình gồm: -1 Áo phẫu thuật vải không dệt 5 lớp SMMMS, chống nước, chống tĩnh điện.	5	Cái	7.000	36.960	258.720.000

			-2 khăn thấm 30 x 40 cm -1 giấy gói 50 x 55 cm Đạt tiêu chuẩn chất lượng: Quality system Council Directive 93/42/EEC, ISO11135-1:2014, ISO 15223-1:2016, EN13795, ISO 11607-1:2019 Các cỡ: - M (dài*rộng =120*140cm) - L (dài*rộng =130*150cm) - XL ((dài*rộng =140*160cm)					
198	2	Áo giấy phẫu thuật tiệt trùng loại 2	- Chất liệu: vải không dệt - Chiều dài khoảng: 120cm ; Chiều ngang (độ rộng áo) khoảng: 140cm - Có dây cột phía sau lưng, có bo tay thun. - Tiệt trùng bằng khí EO. - Đóng gói: Gói/1 cái.	5	Cái	5.000	16.380	81.900.000
199	3	Bộ trang phục phòng dịch	- Đạt tiêu chuẩn cấp độ 2 theo quy định của Bộ Y tế - Chất liệu: vải không dệt, không thấm, kháng khuẩn. - Bộ mũ, áo - quần dạng liền và bao giày, 2 Găng tay cao su size M, 1 Khẩu trang y tế, Tấm chắn giọt bắn bằng nhựa dẻo, trong, che hoàn toàn 2 bên tai và chiều dài của khuôn mặt, đủ size.	5	Bộ	1.000	43.155	43.155.000
200	4	Gạc cầu đa khoa Fi 30 x 1lớp	- Chất liệu: 100% cotton - Kích thước fi 30 x 1 lớp.- Khả năng hút nước: ≥ 5 gam nước/ 1 gam gạc.- Tiệt trùng bằng khí EO-Gas. - Đóng gói: 10 cái/gói.- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	5	Cái	70.000	420	29.400.000
201	5	Gạc dẫn lưu vô trùng 1,5cm x 100 cm x 4 lớp	- Chất liệu: 100% cotton - Kích thước: 1,5cm x 100cm x 4 lớp - Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên; - Mật độ sợi : ≥ 10 sợi dọc, ≥ 8 sợi ngang/1cm2. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	5	Miếng	1.000	1.785	1.785.000
202	6	Gạc hút	- Chất liệu: Sợi bông. - Màu trắng. - Mật độ sợi : ≥ 10 sợi dọc, ≥ 8 sợi ngang/1cm2. - Thời gian chìm trong nước: ≤ 10 giây.	5	Mét	920	3.780	3.477.600
203	7	Gạc Meche 3,5x7,5x6 lớp	- Chất liệu: 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. - Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngậm nước ≥ 5gr nước/1gr gạc. Chất tan trong nước ≤0,5%. - Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. - Kích thước: 3,5x7,5x6 lớp - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	5	Miếng	6.000	2.000	12.000.000
204	8	Gạc phẫu thuật 10x10cmx8 lớp cản	- Chất liệu: sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ	5	Miếng	55.000	858	47.190.000

		quang	mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. - Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngậm nước ≥ 5gr nước/1gr gạc. Chất tan trong nước ≤0,5%. - Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. - Kích thước: 10x10 cm x8 lớp, có cản quang - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485					
205	9	Gạc phẫu thuật ổ bụng vô trùng 30x40cmx6 lớp	- Chất liệu: sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. - Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngậm nước ≥ 5gr nước/1gr gạc. Chất tan trong nước ≤0,5%. - Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. - Kích thước: 30x40cmx6 lớp - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	5	Miếng	1.500	7.400	11.100.000
206	10	Gạc phẫu thuật ổ bụng vô trùng 30x40cmx6 lớp cản quang	- Chất liệu: sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. - Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngậm nước ≥ 5gr nước/1gr gạc. Chất tan trong nước ≤0,5%. - Tiệt trùng bằng khí EO.Gas.- Kích thước: 30x40cmx6 lớp, có cản quang.- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	5	Miếng	14.000	7.400	103.600.000
207	11	Gạc phẫu thuật vô trùng 10x10cmx8 lớp	- Chất liệu: sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. - Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngậm nước ≥ 5gr nước/1gr gạc. Chất tan trong nước ≤0,5%. - Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. - Kích thước: 10x10 cm x8 lớp - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	5	Miếng	41.000	750	30.750.000
208	12	Gạc thận nhân tạo 3,5x4,5cmx80 lớp vô trùng	- Chất liệu: 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. - Kích thước 3,5cm x 4,5cm x 80 lớp vô trùng. - pH: trung tính. - Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	5	Miếng	60.000	2.000	120.000.000
209	13	Khăn đắp phẫu thuật 0,8x1,2m	- Chất liệu: gạc không dệt không hút nước - Kích thước: 0,8x1,2m - Đóng gói: 1 cái/gói.	5	Cái	3.000	6.370	19.110.000
210	14	Khăn đắp phẫu thuật 1,2x1,6m	- Chất liệu: gạc không dệt không hút nước - Kích thước: 1,2x1,6m - Đóng gói: 1 cái/gói.	5	Cái	5.000	8.883	44.415.000
211	15	Khăn đắp phẫu thuật	- Chất liệu: gạc không dệt không hút nước	5	Cái	5.000	19.500	97.500.000

		1,6x2m	- Kích thước: 1,6x2m - Đóng gói: 1 cái/gói.					
212	16	Khăn đắp phẫu thuật vô trùng 50x50cm, có lỗ fi 10	- Chất liệu: gạc không dệt không hút nước - Kích thước: 50x50cm, có lỗ đường kính 10cm - Đóng gói: 1 cái/gói.	5	Cái	500	2.730	1.365.000
213	17	Khẩu trang y tế 3 lớp tiệt trùng	- Cấu tạo: Gồm 3 lớp: 2 lớp ngoài bằng vải không dệt không hút nước, 1 lớp giữa bằng vải vi lọc hoặc vải SMS; 1 thanh tựa mũi; 2 dây đeo tai có độ co dãn tốt. - Đóng gói 1 cái/gói - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	5	Cái	55.000	620	34.100.000
214	18	Mũ giấy phẫu thuật tiệt trùng	- Chất liệu: Vải không dệt polypropylen, màu xanh đồng đều, ko dính tạp chất, độ co giãn tốt. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	5	Cái	26.000	730	18.980.000
215	19	Tấm trải nylon vô trùng 100cm x 130cm	Chất liệu nilon, dùng để trải bàn dùng trong phẫu thuật, kích thước 100x130cm	5	Cái	4.000	4.700	18.800.000
216	20	Túi camera vô trùng	- Chất liệu: ống nylon, fi 18cm, màu trắng trong. - Kích thước fi 18x230cm, có dây buộc 2mm, túi nylon 9cm x 14cm, có dây bằng cotton. - Đóng gói 1 cái/gói, đóng trong túi giấy dùng trong y tế có màu chỉ thị, được tiệt trùng bằng khí EO-Gas	5	Cái	200	5.500	1.100.000
	3. Gói thầu số 9: 31 mặt hàng chỉ phẫu thuật và vật tư dùng trong phẫu thuật							**959.531.666**
217	1	Bộ dụng cụ cắt trĩ bằng phương pháp Longo	Dụng cụ phẫu thuật trĩ longo dùng 1 lần đạt tiêu chuẩn FDA: - Đường kính ngoài 33mm, đường kính trong 24.4mm - Có 28 hàng đinh ghim bằng titanium, đường kính ngoài 33mm, đường kính trong là 24.4mm, chiều cao ghim khi đóng có thể điều chỉnh được từ 0,75mm đến 1,5mm,	2	Cái	10	7.350.000	73.500.000
218	2	Tấm lưới phẫu thuật tổng hợp không tiêu vô trùng (Lưới điều trị thoát vị)	Lưới điều trị thoát vị - Kích thước: 15 x 15cm. - Thành phần: sợi polypropylene không tiêu. - Kích thước lỗ lưới ≤ 1mm. - Trọng lượng: ≤ 95g/m2. - Chiều dày: khoảng 0,5mm - Đóng gói: hộp/1 miếng.	1	Cái	24	1.885.000	45.240.000
219	3	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi làm bằng polyamid số 2/0	- Chất liệu: Polyamide - Cấu trúc vững chắc, sợi tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt. - Tiệt trùng bằng EO, Gamma. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	1	Sợi	516	24.000	12.384.000
220	4	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi làm bằng polyamid số 3/0	- Chất liệu: Polyamide - Cấu trúc vững chắc, sợi tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt, độ dài chỉ 75cm. - Tiệt trùng bằng EO, Gamma. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	1	Sợi	1.230	24.000	29.520.000

221	5	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi làm bằng polyamid số 4/0	- Chất liệu: Polyamide - Cấu trúc vững chắc, sợi tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt, độ dài chỉ 75cm. - Tiệt trùng bằng EO, Gamma. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	1	Sợi	470	24.000	11.280.000
222	6	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi làm bằng polyamid số 5/0	- Chất liệu: Polyamide - Cấu trúc vững chắc, sợi tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt, độ dài chỉ 45-75cm. - Tiệt trùng bằng EO, Gamma. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	1	Sợi	1.520	24.000	36.480.000
223	7	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi làm bằng polyamid số 6/0	- Chất liệu: Polyamide - Cấu trúc vững chắc, sợi tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt, độ dài chỉ 45-75cm. - Tiệt trùng bằng EO, Gamma. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	1	Sợi	1.476	32.500	47.970.000
224	8	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi làm bằng polypropylene số 0	- Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 0 dài 100cm, - 1 kim tròn đầu cắt V-34 bằng hợp kim Ethalloy, dài 36mm 1/2 vòng tròn. Thân kim có rãnh giúp cố định kìm kẹp kim tốt hơn. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	1	Sợi	36	110.000	3.960.000
225	9	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi làm bằng polypropylene số 2/0	- Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 2/0 dài 90cm, - 2 kim tròn đầu cắt V-7, hợp kim Ethalloy dài 26mm 1/2 vòng tròn. Thân kim có rãnh giúp cố định kìm kẹp kim tốt hơn. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	1	Sợi	240	139.824	33.557.760
226	10	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi làm bằng polypropylene số 3/0	- Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 3/0 dài 90cm, - 2 kim tròn đầu tròn SH bằng hợp kim Ethalloy, dài 26mm 1/2 vòng tròn. Thân kim có rãnh giúp cố định kìm kẹp kim tốt hơn. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	1	Sợi	120	143.000	17.160.000
227	11	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi làm bằng polypropylene số 4/0	- Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 4/0 dài 90cm, - 2 kim tròn đầu cắt CC-20 bằng hợp kim Ethalloy, dài 20mm 1/2 vòng tròn. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	1	Sợi	36	140.481	5.057.316
228	12	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi làm bằng Polyamide số 5/0	- Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi, làm từ Polyamide 6-6.6, sợi tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt - Chỉ được phủ một lớp silicon - Chỉ được nhuộm màu xanh dương (Blue) hoặc đen (Black), dễ nhận biết, cỡ chỉ 5/0 - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	5	Sợi	10	18.900	189.000
229	13	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi làm bằng	- Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi, làm từ Polyamide 6-6.6, sợi tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt	5	Sợi	10	33.600	336.000

		Polyamide số 6/0	- Chỉ được phủ một lớp silicon - Chỉ được nhuộm màu xanh dương (Blue) hoặc đen (Black), dễ nhận biết, cỡ chỉ 6/0 - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485					
230	14	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi làm bằng Polyamide số 7/0	- Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi, làm từ Polyamide 6-6.6, sợi tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt - Chỉ được phủ một lớp silicon - Chỉ được nhuộm màu xanh dương (Blue) hoặc đen (Black), dễ nhận biết, cỡ chỉ 7/0 - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	5	Sợi	480	42.000	20.160.000
231	15	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi làm bằng Poly(p-dioxanone) số 3/0	- Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 3/0 dài 70cm, - 1 kim tròn đầu tròn SH plus dài 26mm, 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim Ethalloy, được phủ bởi lớp silicone cải tiến, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh giúp giữa chặt kim khi thao tác, - Lực giữ vết mổ 80% sau 2 tuần - 70% sau 4 tuần - 60% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	2	Sợi	1.440	123.909	178.428.960
232	16	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi làm bằng Poly(p-dioxanone) số 4/0	- Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 4/0 dài 70cm, - 1 kim tròn đầu tròn Atraloc SH-2 plus dài 20mm 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim Ethalloy, được phủ bởi lớp silicone cải tiến, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh giúp giữa chặt kim khi thao tác, - Lực giữ vết mổ 60% sau 2 tuần - 40% sau 4 tuần - 35% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	2	Sợi	180	127.525	22.954.500
233	17	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi làm bằng Poly(p-dioxanone) số 5/0	- Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 5/0 dài 70cm, - 1 kim tròn đầu tròn C-1 dài 13mm 3/8 vòng tròn, bằng hợp kim Ethalloy, được phủ bởi lớp silicone cải tiến, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh giúp giữa chặt kim khi thao tác, - Lực giữ vết mổ 60% sau 2 tuần - 40% sau 4 tuần - 35% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	2	Sợi	360	116.682	42.005.520
234	18	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi làm bằng Glyconate số 4/0	- Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate (72% Glycolic + 14% Caprolacton + 14% trimethylene) số 4/0, chỉ dài 70cm, - Kim tròn 1/2 vòng tròn HR 22mm, công nghệ kim Easyslide, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304), phủ silicone. - Lực căng kéo nút thắt 20.75N. Sức căng kéo giảm 50% sau 14 ngày, tan hoàn toàn sau từ 60 - 90 ngày. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	3	Sợi	1.440	85.050	122.472.000
235	19	Chỉ tan tổng hợp đa sợi làm bằng Polyglactin 910 số 1	- Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, lớp vỏ 50% polyglactin 370 & 50% chất bôi trơn Calcium Stearate, chỉ số 1, dài 90cm, - Kim tròn đầu tròn CT, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài	1	Sợi	120	83.007	9.960.840

			thân kim, bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 40mm, 1/2 vòng tròn. - Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485					
236	20	Chỉ tan tổng hợp đa sợi làm bằng Polyglactin 910 số 2	- Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 2 dài 75cm, - 1 kim tròn đầu cắt tapercut V-39 bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 45mm 1/2 vòng tròn. - Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	1	Sợi	24	107.728	2.585.480
237	21	Chỉ tan tổng hợp đa sợi làm bằng Polyglactin 910 số 2/0	- Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 2/0 dài 75cm, - Kim tròn đầu tròn SH Plus, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 26mm 1/2 vòng tròn. - Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	1	Sợi	120	74.998	8.999.760
238	22	Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi làm bằng Polyglactin 910 số 3/0	- Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% Polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate số 3/0 dài 45cm,- 1 kim tam giác ngược PS-2 Prime bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 19mm, 3/8 vòng tròn.- Lực căng giữ vết thương : 50% sau 5 ngày, 0% sau 10 - 14 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn 42 ngày. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	2	Sợi	480	90.718	43.544.640
239	23	Chỉ tan tổng hợp đa sợi làm bằng Polyglactin 910 số 3/0	- Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 3/0 dài 75cm, - Kim tròn đầu tròn SH Plus, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 26mm 1/2 vòng tròn. - Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	1	Sợi	270	70.780	19.110.600
240	24	Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi làm bằng Polyglactin 910 số 4/0	- Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate số 4/0 dài 75cm, - 1 kim tam giác ngược PS-2 Prime bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 19mm, 3/8 vòng tròn. - Lực căng giữ vết thương: 50% sau 5 ngày, 0% sau 10 - 14 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn 42 ngày. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	2	Sợi	240	88.546	21.251.040
241	25	Chỉ tan tổng hợp đa	- Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là	1	Sợi	150	75.323	11.298.450

		sợi làm bằng Polyglactin 910 số 4/0	Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 4/0 dài 75cm, - Kim tròn đầu tròn SH-2 Plus bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 20mm 1/2 vòng tròn. - Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485					
242	26	Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi làm bằng Polyglactin 910 số 5/0	- Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% Polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate số 5/0 dài 45cm, - 1 kim tam giác ngược P-1 Prime bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 11mm 3/8 vòng tròn. - Lực căng giữ vết thương: 50% sau 5 ngày, 0% sau 10 - 14 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn 42 ngày. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	2	Sợi	360	108.762	39.154.320
243	27	Chỉ tan tổng hợp đa sợi làm bằng Polyglactin 910 số 5/0	- Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 5/0 dài 75cm, - Kim tròn đầu tròn RB-1 Plus bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 17 mm 1/2 vòng tròn. - Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	2	Sợi	180	108.286	19.491.480
244	28	Chỉ tan tổng hợp đa sợi làm bằng Polyglactin 910 số 1	- Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 số 1 dài 95cm được bao bởi hỗn hợp Polyglactin 370 và Calcium Stearate (65%PLA / 35%PGA). Thời gian tiêu hoàn toàn từ 56-70 ngày. Duy trì sức căng 50% sau 21 ngày sử dụng. - Kim tròn 40mm, 1/2C, kim phủ silicone, làm bằng chất liệu thép 455 hoặc 470. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	3	Sợi	600	69.000	41.400.000
245	29	Chỉ tan tổng hợp đa sợi làm bằng Polyglactin 910 số 3/0	- Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 số 3/0 dài 90cm được bao bởi hỗn hợp Polyglactin 370 và Calcium Stearate (65%PLA / 35%PGA). Thời gian tiêu hoàn toàn từ 56-70 ngày. Duy trì sức căng 50% sau 21 ngày sử dụng. - Kim tròn 26mm, 1/2C, kim phủ silicone, làm bằng chất liệu thép 455 hoặc 470. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	3	Sợi	480	55.500	26.640.000
246	30	Chỉ tan tổng hợp đa sợi làm bằng Polyglactin 910 số 4/0	- Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 số 4/0, dài 75cm. được bao bởi hỗn hợp Polyglactin 370 và calcium Stearate (65%PLA/35%PGA). Thời gian tiêu hoàn toàn 56-70 ngày. Duy trì sức căng 50% sau 21 ngày sử dụng. - Kim tròn cong 1/2 vòng tròn, kim 20mm, được làm bằng chất liệu thép 455 hoặc 470. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	3	Sợi	120	56.000	6.720.000
247	31	Chỉ tan tổng hợp đa sợi làm bằng	- Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 số 5/0, dài 75cm, được bao bởi hỗn hợp Polyglactin 370 và calcium Stearate	3	Sợi	120	56.000	6.720.000

		Polyglactin 910 số 5/0	(65%PLA/35%PGA). Thời gian tiêu hoàn toàn 56-70 ngày. Duy trì sức căng 50% sau 21 ngày sử dụng. - Kim tròn cong 1/2 vòng tròn, kim 20mm, được làm bằng chất liệu thép 455 hoặc 470. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485					
4. Gói thầu số 10: 33 mặt hàng vật tư chuyên khoa chấn thương, chỉnh hình								**1.469.290.000**
248	1	Bộ khớp háng bán phần Bipolar II - chuôi không xi măng, góc cổ chuôi 130 độ	1. Chỏm bán phần: có mặt ngoài bằng Cobalt Chrome siêu nhẵn; lớp lót PE Crosslink chống mài mòn đi kèm với vòng khóa trong chống tuột chỏm. Đường kính ngoài từ 38mm đến 56mm, đường kính trong 22.2mm hoặc 28mm. 2. Chỏm xương đùi: bằng chất liệu Cobalt Chrome; kích thước 22.2mm (+0mm, +3mm, +6mm, +9mm), 28mm (-3mm, +0mm, +2,5mm, +5mm, +7.5mm, +10mm) với taper 12/14. 3. Chuôi xương đùi: loại cố định đầu gần, dạng nêm 2 chiều và cổ trơn, chất liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V), phun Titanium Plasma nhám. - Các cỡ từ #00 đến #14 tương ứng với độ rộng bề ngang từ 22.8mm đến 43.5mm - Góc cổ thân 130 độ với đầu taper 12/14 có 2 sự lựa chọn offset thông thường (có 16 cỡ từ 00 - 14 dài từ 114mm -161mm) và offset dài (có 15 cỡ dài từ 0-14 dài từ 120-161 mm).	2	Bộ	3	39.790.000	119.370.000
249	2	Bộ khớp háng bán phần Bipolar II - chuôi dài không xi măng, góc cổ chuôi 130 độ	1. Chỏm bán phần: có mặt ngoài bằng Cobalt Chrome siêu nhẵn; lớp lót PE Crosslink chống mài mòn đi kèm với vòng khóa trong chống tuột chỏm. Đường kính ngoài từ 38mm đến 56mm, đường kính trong 22.2mm hoặc 28mm. 2. Chỏm xương đùi: bằng chất liệu Cobalt Chrome; kích thước 22.2mm (+0mm, +3mm, +6mm, +9mm), 28mm (-3mm, +0mm, +2,5mm, +5mm, +7.5mm, +10mm) với taper 12/14.3. Chuôi dài không xi măng: bằng vật liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) dạng hình nêm 3 chiều chống xoay và cổ trơn, phun Titanium Plasma nhám toàn thân, góc cổ thân 130°, taper 12/14, cuối chuôi vuốt nhọn tránh nứt gãy xương đùi tại vị trí cuối chuôi. Chuôi có 2 dạng: dạng thẳng có chiều dài 180mm với 7 cỡ đường kính đầu xa (từ 11mm-18mm) và dạng cong có chiều dài 230mm, có 7 cỡ đường kính đầu xa (từ 11mm-18mm) với mỗi bên trái, phải.	2	Bộ	3	58.290.000	174.870.000
250	3	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, góc cổ chuôi 130 độ, Ceramic on Ceramic (kích thước chỏm 28/32/36/40)	1. Ổ cối không xi măng: làm bằng hợp kim Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) được phun Titanium Plasma (TiPlasma) nhám và phủ HA. Có 12 chốt khóa chống xoay. Ổ cối có 2 loại: ít lỗ vít (Cluster) hoặc nhiều lỗ vít (Multi hole), có 14 cỡ từ 44mm - 70mm với bước chuyển 2mm. Cạnh ổ cối có đánh dấu laser chỉ hướng. Có các lỗ vít với hướng xoay 32 độ. Các lỗ vít đều có nút chặn.	2	Bộ	3	75.800.000	227.400.000

			Vít ổ cối bằng Titanium dài 15-50mm. 2. Lớp lót: bằng Ceramic Biolox Delta thế hệ mới có các cỡ 28mm, 32mm, 36mm, 40mm tương thích với các chỏm tiêu chuẩn. 3. Chỏm xương đùi Ceramic : có hình cầu, taper 12/14 và các cỡ: 28mm (-2.5mm, +1mm, +4mm), 32mm (-3mm, +1mm,+5mm; +8mm), chỏm lớn 36mm (-3mm, +1mm, +5mm; +9mm) và 40mm (-3mm, +1mm, +5mm, +9mm) 4. Chuôi xương đùi: loại cố định đầu gần, dạng nêm 2 chiều và cổ trơn, chất liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V), phun Titanium Plasma nhám. - Các cỡ từ #00 đến #14 tương ứng với độ rộng bề ngang từ 22.8mm đến 43.5mm - Góc cổ thân 130 độ với đầu taper 12/14 có 2 sự lựa chọn offset thông thường (có 16 cỡ từ 00 - 14 dài từ 114mm -161mm) và offset dài (có 15 cỡ dài từ 0-14 dài từ 120-161 mm).					
251	4	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, góc cổ chuôi 130 độ, Ceramic on PE có vitamin E (kích thước chỏm 28/32/36)	1. Ổ cối không xi măng: làm bằng hợp kim Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) được phun Titanium Plasma (TiPlasma) nhám và phủ HA. Có 12 chốt khóa chống xoay. Ổ cối có 2 loại: ít lỗ vít (Cluster) hoặc nhiều lỗ vít (Multi hole), có 14 cỡ từ 44mm - 70mm với bước chuyển 2mm. Cạnh ổ cối có đánh dấu laser chỉ hướng. Có các lỗ vít với hướng xoay 32 độ. Các lỗ vít đều có nút chặn. Vít ổ cối bằng Titanium dài 15-50mm.2. Lớp lót: bằng Polyethylene Crosslink siêu bền có bổ sung vitamin E giúp tăng khả năng chịu mài mòn, tăng độ cứng vật liệu và chống Oxi hóa. Lớp lót có 2 dạng (0° và 20°) Đường kính trong 28mm, 32mm, 36mm.3. Chỏm xương đùi Ceramic: có hình cầu, taper 12/14 và các cỡ: 28mm (-2.5mm, +1mm, +4mm), 32mm (-3mm, +1mm,+5mm; +8mm) và chỏm lớn 36mm (-3mm, +1mm, +5mm; +9mm).4. Chuôi xương đùi: loại cố định đầu gần, dạng nêm 2 chiều và cổ trơn, chất liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V), phun Titanium Plasma nhám.- Các cỡ từ #00 đến #14 tương ứng với độ rộng bề ngang từ 22.8mm đến 43.5mm - Góc cổ thân 130 độ với đầu taper 12/14 có 2 sự lựa chọn offset thông thường (có 16 cỡ từ 00 - 14 dài từ 114mm -161mm) và offset dài (có 15 cỡ dài từ 0-14 dài từ 120-161 mm).	2	Bộ	3	63.800.000	191.400.000
252	5	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, góc cổ chuôi 130 độ, Metal on PE có vitamin E (kích thước chỏm 28/32/36)	1. Ổ cối không xi măng: làm bằng hợp kim Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) được phun Titanium Plasma (TiPlasma) nhám và phủ HA. Có 12 chốt khóa chống xoay. Ổ cối có 2 loại: ít lỗ vít (Cluster) hoặc nhiều lỗ vít (Multi hole), có 14 cỡ từ 44mm - 70mm với bước chuyển 2mm. Cạnh ổ cối có đánh dấu laser chỉ hướng. Có các lỗ vít với hướng xoay 32 độ. Các lỗ vít đều có nút	2	Bộ	3	55.000.000	165.000.000

			chặn. Vít ổ cối bằng Titanium dài 15-50mm.2. Lớp lót: bằng Polycthylene Crosslink siêu bền có bổ sung vitamin E giúp tăng khả năng chịu mài mòn, tăng độ cứng vật liệu và chống Oxi hóa. Lớp lót có 2 dạng (0° và 20°) Đường kính trong 28mm, 32mm, 36mm.3. Chỏm xương đùi: bằng Cobalt Chrome siêu nhẵn; kích thước 28mm (-3mm, +0mm, +2,5mm, +5mm, +7.5mm, +10mm), 32mm (-3mm, +0mm, +2.5mm, +5mm, +7.5mm, +10mm) và chỏm lớn 36mm (-3mm, +0mm, +5mm, +10mm) với taper 12/14.4. Chuôi xương đùi: loại cố định đầu gần, dạng nêm 2 chiều và cổ trơn, chất liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V), phun Titanium Plasma nhám.- Các cỡ từ #00 đến #14 tương ứng với độ rộng bề ngang từ 22.8mm đến 43.5mm - Góc cổ thân 130 độ với đầu taper 12/14 có 2 sự lựa chọn offset thông thường (có 16 cỡ từ 00 - 14 dài từ 114mm -161mm) và offset dài (có 15 cỡ dài từ 0-14 dài từ 120-161 mm).					
253	6	Bộ khớp gối toàn phần có xi măng, vitamin E bảo tồn xương tối đa	1. Lồi cầu đùi: bằng Cobalt Chrome(CoCr) cứng và nhẵn, độ dày cạnh 9mm, mặt trước nghiêng 5°, độ gập gối tối đa 155°, xoay trong-xoay ngoài 12.5°, rãnh bánh chè thiết kế phù hợp với khớp gối tự nhiên. Lồi cầu CR giúp không cần đục hộp tại rãnh liên lồi cầu. Có 13 cỡ mỗi bên trái, phải, bước nhảy 2mm, tương thích tối đa với kích thước xương bệnh nhân châu Á. Độ rộng trong ngoài từ 56mm-80mm và độ rộng trước sau từ 52mm-76mm.2. Lớp lót: bằng Polyethylene Crosslink cao phân tử liên kết chéo bổ sung vitamin E (E-XPE) tăng khả năng chịu mài mòn, tăng độ cứng vật liệu và chống Oxi hóa. Lớp lót XUC gờ khóa ngàm với rãnh trượt giúp chống bụi ma sát (Micromotion). Lớp lót có độ dốc sau 5° và cạnh trước cao 12.5mm tăng khả năng chống trượt ra trước và sau. Có 5 độ dày 9mm, 11mm, 13mm, 15mm, 18mm.3. Mâm chày: bằng hợp kim Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) với thiết kế dạng module đặc biệt có đầu chờ để gắn thêm miếng ghép titanium bù xương hoặc chuôi nối dài xương chày khi cần. Mặt dưới mâm chày có vân nhám, độ dầy 3mm , chân mâm chày dài 33mm-42mm. Có 8 cỡ từ 0-7, không phân biệt trái-phải, với độ rộng trong ngoài: 60mm-84mm và độ rộng trước sau: 39.5mm-58.5mm.4. Bánh chè: bằng Polyethylene Crosslink cao phân tử (XPE), dạng vòm có 3 chân (Peg) cố định. Có 7 cỡ với các đường kính 26mm-44mm ứng với độ dày 7mm, 8mm, 8.5mm, 9mm, 9.5mm, 10mm, 10.5mm.5. Cement xương: PMMA có độ quánh trung bình (01 gói).	4	Bộ	2	58.000.000	116.000.000
254	7	Vít treo mảnh ghép gân có thể điều chỉnh	Vật tư dùng trong nội soi khớp gối: - Vít khóa chất liệu titanium. Dây treo có thể điều chỉnh chiều	6	Cái	10	8.990.000	89.900.000

		chiều dài dùng trong phẫu thuật nội soi khớp gối	dài. Chỉ treo được làm từ chất liệu Polyethylene trọng lượng phân tử cao (UHMWPE), lực căng 1400N - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương					
255	8	Lưỡi cắt mô, cắt sụn bằng sóng radio dùng trong phẫu thuật nội soi khớp gối	Vật tư dùng trong nội soi khớp gối: Thiết kế có lỗ hút và dây hút, hút các mô vụn và dịch đẩy ra ngoài, giúp trường phẫu thuật trong suốt. - Đường kính mặt tiếp xúc: 2.8/ 3.2/ 3.6/ 4.3mm - Góc làm việc: 70°/ 90° - Thiết kế đầu: cong/ góc xiên/ móc/ bóng. - Chiều dài làm việc: 135mm/ 220mm	6	Cái	5	6.200.000	31.000.000
256	9	Lưỡi bào khớp dùng trong phẫu thuật nội soi khớp gối	Vật tư dùng trong nội soi khớp gối: Lưỡi bào khớp đóng gói tiệt trùng, dùng một lần, đường kính 4.2 mm phù hợp với các tay bào có lưỡi khóa tự động, tốc độ xoay từ 500 đến 8000 vòng/ phút	3	Cái	5	4.750.000	23.750.000
257	10	Dây bơm nước dùng trong phẫu thuật nội soi khớp gối	Vật tư dùng trong nội soi khớp gối: Dây dẫn nước nội soi chạy bằng máy dùng một lần, tương thích với máy P2	3	Cái	5	1.440.000	7.200.000
258	11	Chỉ bện liền kim dùng trong phẫu thuật nội soi khớp gối	Vật tư dùng trong nội soi khớp gối:Chỉ siêu bền loại 2, dài 90cm, mũi kim cong dài 26mm.	6	Cái	5	1.480.000	7.400.000
259	12	Nẹp khóa bản nhỏ dùng vít 3.5 mm, chất liệu titanium các cỡ	Nẹp khóa bản nhỏ dùng vít 3.5 mm -Chất liệu nẹp titanium - Độ dày nẹp 3.3mm, độ rộng 11mm - Số lỗ 5/6/7/8/9/10/11/12 lỗ tương ứng độ dài là 72mm/85/98/111/124/137/150/163mm - Kết hợp lỗ khóa và lỗ thường giúp linh hoạt trong việc lựa chọn vít - Dùng vít khóa 3.5mm tự taro (10mm đến 80mm) và vít xương cứng 3.5mm tự taro (14mm đến 50mm.) - Có trợ cụ tương thích - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	6	Cái	5	3.725.000	18.625.000
260	13	Nẹp khóa chữ T đầu dưới xương quay dùng vít 3.5mm, chất liệu titanium các cỡ	Nẹp khóa chữ T đầu dưới xương quay dùng vít 3.5 mm - Chất liệu titanium - Độ dày 2mm, độ rộng 10mm - Số lỗ 3/4/5/6/7 lỗ tương ứng độ dài là 50/59/67/76/85mm - Kết hợp lỗ khóa và lỗ thường giúp linh hoạt trong việc lựa chọn vít - Dùng vít khóa 3.5mm tự taro (10mm đến 80mm) và vít xương cứng 3.5mm tự taro (14mm đến 50mm.) - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	6	Cái	2	2.190.000	4.380.000
261	14	Nẹp khóa đầu trên	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay	6	Cái	2	4.780.000	9.560.000

		xương cánh tay, chất liệu titanium các cỡ	- Chất liệu titanium - Độ dày 3.2mm, độ rộng 13mm - Số lỗ 5/6/8/10/12 lỗ tương đứng độ dài là 142/160/196/232/268 mm - Kết hợp lỗ khóa và lỗ thường giúp linh hoạt trong việc lựa chọn vít - Dùng vít khóa 3.5mm tự taro (10mm đến 80mm) và vít xương cứng 3.5mm tự taro (14mm đến 50mm.)					
262	15	Nẹp khóa mắt xích dùng vít 3.5 mm, chất liệu titanium các cỡ	Nẹp khóa mắt xích dùng vít 3.5 mm, chất liệu titanium các cỡ - Chất liệu nẹp titanium - Độ dày nẹp 2.5mm; độ rộng 10.5mm - Số lỗ 3/4/5/6/7/8/9/10/11/12/13/14/15/16 lỗ tương ứng độ dài là 34/46/58/70/82/94/106/118/130/142/154/166/178/190mm - Kết hợp lỗ khóa và lỗ thường giúp linh hoạt trong việc lựa chọn vít - Dùng vít khóa 3.5mm tự taro (10mm đến 80mm) và vít xương cứng 3.5mm tự taro (14mm đến 50mm.)	6	Cái	5	3.625.000	18.125.000
263	16	Nẹp khóa bản hẹp dùng vít 4.5/5.0 mm, chất liệu titanium các cỡ	Nẹp khóa bản hẹp dùng vít 4.5/5.0 mm- Nẹp chất liệu titanium;- Độ dày nẹp 4.5mm, độ rộng 13.5mm;- Số lỗ 4/5/6/7/8/9/10/11/12/14/16 lỗ tương ứng độ dài là 70/88/106/124/142/160/178/196/214/250/286mm- Kết hợp lỗ khóa và lỗ thường giúp linh hoạt trong việc lựa chọn vít- Dùng vít khóa 5.0mm tự taro (chiều dài vít từ 14mm đến 90mm.) và vít xương cứng 4.5mm tự taro (chiều dài vít từ 22mm đến 70mm)- Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	6	Cái	4	3.930.000	15.720.000
264	17	Nẹp khóa xương đòn mặt trước; trái/phải, chất liệu titanium các cỡ	Nẹp khóa xương đòn mặt trước; trái/phải, chất liệu titanium các cỡ - Dày 3.4mm, rộng 10mm - Số lỗ 6/7/8 lỗ tương ứng độ dài là 94/110/120 mm - Kết hợp lỗ khóa và lỗ thường giúp linh hoạt trong việc lựa chọn vít - Dùng vít khóa 3.5mm tự taro (10mm đến 80mm) và vít xương cứng 3.5mm tự taro (14mm đến 50mm.) - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	6	Cái	3	4.950.000	14.850.000
265	18	Vít khóa xương cứng 3.5mm, tự taro, chất liệu titanium các cỡ	- Chất liệu titanium, tự taro, đường kính thân vít 3.5mm, chiều dài vít từ 10mm đến 80mm, đầu bắt tuốc nơ vít trên mũ vít hình lục giác - Đường kính mũ vít 4.8mm, chiều cao mũ vít 3.1mm - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	6	Cái	20	394.000	7.880.000
266	19	Vít xương cứng đường kính 3.5 mm, tự taro, chất liệu titanium các	- Chất liệu titanium, đường kính thân vít 3.5mm; chiều dài vít từ 14mm đến 50mm, đầu bắt tuốc nơ vít trên mũ vít hình lục giác - Đường kính mũ vít 6.0mm, chiều cao mũ vít 3.5mm	6	Cái	35	305.000	10.675.000

		cỡ	- Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485					
267	20	Vít khóa xương cứng 5.0mm, tự taro chất liệu titanium các cỡ	- Chất liệu titanium, đường kính thân vít 5.0mm, chiều dài vít từ 14mm đến 90mm, đầu bắt tuốc nơ vít trên mũ vít hình lục giác - Đường kính mũ vít 6.5mm, chiều cao mũ vít 4.5mm - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	6	Cái	80	465.000	37.200.000
268	21	Vít khóa xương cứng 2.7 mm, tự taro, chất liệu titanium các cỡ	- Chất liệu titanium, đường kính 2.7mm, chiều dài từ 6mm đến 40mm, đầu bắt tuốc nơ vít trên mũ vít hình lục giác - Đường kính mũ vít 3.5mm, chiều cao mũ vít 2.2mm - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	6	Cái	30	370.000	11.100.000
269	22	Vít xương cứng đường kính 4.5 mm, tự taro,chất liệu titanium các cỡ	- Chất liệu titanium, đường kính thân vít 4.5mm; chiều dài vít từ 22mm đến 70mm, đầu bắt tuốc nơ vít trên mũ vít hình lục giác - Đường kính mũ vít 8.0mm, chiều cao mũ vít 4.5mm - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	6	Cái	20	333.000	6.660.000
270	23	Nẹp khóa bản rộng 4.5/5.0 mm, chất liệu titanium các cỡ	Nẹp khóa bản rộng 4.5/5.0 mm, chất liệu titanium các cỡ- Nẹp chất liệu titanium;- Độ dày nẹp 5.6mm, độ rộng 17.5mm;- Số lỗ 5/6/7/8/9/10/11/12/14/16/18/20/22 lỗ tương ứng độ dài là 88/106/124/142/160/178/196/214/250/286/322/358/394mm- Kết hợp lỗ khóa và lỗ thường giúp linh hoạt trong việc lựa chọn vít- Dùng vít khóa 5.0mm tự taro (chiều dài vít từ 14mm đến 90mm.) và vít xương cứng 4.5mm tự taro (chiều dài vít từ 22mm đến 70mm)- Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	6	Cái	5	6.270.000	31.350.000
271	24	Nẹp khóa đầu trên xương đùi mặt bên, chất liệu titanium các cỡ	Nẹp khóa đầu trên xương đùi mặt bên, chất liệu titanium các cỡ - Chất liệu titanium - Độ dày nẹp 5.6mm, độ rộng 18.5mm - Số lỗ 5/7/9/11/13 tương ứng độ dài 156/196/236/276/310mm - Kết hợp lỗ khóa và lỗ thường giúp linh hoạt trong việc lựa chọn vít - Dùng vít khóa 5.0mm tự taro (chiều dài vít từ 14mm đến 90mm.) và vít xương cứng 4.5mm tự taro (chiều dài vít từ 22mm đến 70mm)	6	Cái	3	6.525.000	19.575.000
272	25	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt bên dùng vít 4.5/5.0mm, chất liệu titanium các cỡ	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt bên chân phải/trái - Chất liệu titanium - Độ dày 4.5mm, độ rộng 11.2mm - Số lỗ 5/7/9/11/13 tương ứng độ dài 140/180/220/260/300mm - Kết hợp lỗ khóa và lỗ thường giúp linh hoạt trong việc lựa chọn vít - Dùng vít khóa 5.0mm tự taro (chiều dài vít từ 14mm đến 90mm.) và vít xương cứng 4.5mm tự taro (chiều dài vít từ 22mm đến 70mm) - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	6	Cái	3	5.250.000	15.750.000
273	26	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi phải/trái	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi phải/trái - Chất liệu titanium	6	Cái	2	6.375.000	12.750.000

		chất liệu titanium các cỡ.	- Độ dày 6.5mm, độ rộng 16.5mm - Số lỗ từ 5/7/9/11/13 lỗ tương ứng với độ dài là 156/196/236/276/316 mm - Kết hợp lỗ khóa và lỗ thường giúp linh hoạt trong việc lựa chọn vít - Dùng vít khóa 5.0mm tự taro (chiều dài vít từ 14mm đến 90mm.) và vít xương cứng 4.5mm tự taro (chiều dài vít từ 22mm đến 70mm) - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485					
274	27	Nẹp khóa đầu dưới xương chày dùng vít 3.5mm, chất liệu titanium các cỡ	Nẹp khóa đầu dưới xương chày, trái, phải, chất liệu titanium các cỡ - Độ dày 3.7mm, độ rộng 11.4mm - Số lỗ 4/6/8/10/12 lỗ tương ứng với độ dài là 117/144/171/198/225 mm - Dùng vít khóa 3.5mm tự taro (10mm đến 80mm) và vít xương cứng 3.5mm tự taro (14mm đến 50mm.) - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	6	Cái	2	4.500.000	9.000.000
275	28	Vít khóa xương xốp, chất liệu titanium, đường kính 3.5mm các cỡ	- Chất liệu titanium, đường kính thân vít 3.5mm, chiều dài vít 14mm đến 60mm, mũ vít có ren, đầu bắt tuốc nơ vít trên mũ vít hình lục giác- Đồng bộ với nẹp sử dụng- Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	6	Cái	40	415.000	16.600.000
276	29	Vít khóa xương xốp chất liệu titanium đường kính 5.0 mm các cỡ	- Chất liệu titanium, đường kính thân vít 5.0mm, chiều dài vít từ 25mm đến 110mm, mũ vít có ren, đầu bắt tuốc nơ vít trên mũ vít hình lục giác - Đồng bộ với nẹp sử dụng - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	6	Cái	40	500.000	20.000.000
277	30	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay mặt ngoài có móc đỡ dùng vít 2.7/3.5mm, chất liệu titanium các cỡ	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay mặt ngoài có móc đỡ - Chất liệu titanium - Độ dày 3.8mm, độ rộng 11mm - Số lỗ từ 3/5/7/9/11/14 lỗ tương ứng độ dài là 65/91/117/143/169/208mm - Kết hợp lỗ khóa và lỗ thường giúp linh hoạt trong việc lựa chọn vít - Đầu nẹp dùng vít khóa 2.7mm tự taro , thân nẹp dùng vít khóa 3.5mm tự taro (10mm đến 80mm) và vít xương cứng 3.5mm tự taro (14mm đến 50mm.) - Có trợ cụ tương thích - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	6	Cái	2	4.895.000	9.790.000
278	31	Đinh nội tủy đầu trên xương đùi loại chống xoay, chất liệu titanium, đường kính	Đinh nội tủy đầu trên xương đùi loại chống xoay, chất liệu titanium, đường kính 9-12mm. - Loại ngắn: Có 1 lỗ bắt vít chống xoay đầu trên và 1 lỗ bắt vít khóa đường kính 4.9mm đầu dưới, chiều dài 170-240mm	6	Cái	2	9.360.000	18.720.000

		9-12mm các cỡ	- Loại dài: Có 1 lỗ bắt vít chống xoay đầu trên và 2 lỗ bắt vít khóa đường kính 4.9mm, chiều dài 320-440mm					
279	32	Vít chống xoay đinh nội tủy xương đùi, chất liệu titanium các cỡ	Vít chốt chống xoay cho đinh nội tủy đầu trên xương đùi, đường kính 10.5mm, chất liệu titanium, độ dài 70-120mm, bước tăng 5mm	6	Cái	2	3.300.000	6.600.000
280	33	Vít chốt khóa đầu dưới cho đinh nội tủy xương đùi loại chống xoay, đường kính 4.9mm, chất liệu titanium	Vít chốt khóa cho đinh nội tủy xương đùi chống xoay, loại khóa nhanh, đường kính 4.9mm chất liệu titanium	6	Cái	2	545.000	1.090.000
	5. Gói thầu số 11:15 mặt hàng sinh phẩm y tế, test thử							**1.611.496.000**
281	1	Test nhanh chẩn đoán Chlamydia	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485- Định tính trực tiếp phát hiện kháng nguyên Chlamydia tracchomatis - Mẫu phẩm: Dịch cổ tử cung nữ giới, dịch niệu đạo, nước tiểu nam giới- Ngưỡng phát hiện: 5x104 IFU/ml- Độ nhạy: ≥ 93 % độ đặc hiệu: ≥ 99 %, độ chính xác: 100%Thành phần kit thử:1. Cộng hợp kháng thể đơn dòng kháng Chlamydia (Chlamydia McAb conjugate): 10 µg/ml; 2. Kháng thể đơn dòng chuột kháng Chlamydia (Chlamydia monoclonal antibody mouse): 0.75 mg/ml;3. Kháng thể đa dòng dê kháng IgG chuột (Anti-mouse IgG polyclonal antibody goat): 2.25 mg/ml.- Không phản ứng chéo với: Streptococcus, Herpes sinplex virus, Mycoplasma hominis.....	4	Test	1.000	30.030	30.030.000
282	2	Test nhanh chẩn đoán cúm Influenza Ag A/B/A (H1N1) Pandemic)	Đạt tiêu chuẩn ISO13485 - Định tính phát hiện kháng nguyên vi rút cúm A/B - Mẫu thử: Dịch mũi, họng, tỵ hầu - Vạch T1: Độ nhạy tương quan: ≥ 86% , Độ đặc hiệu tương quan: ≥ 94% - Vạch T2: Độ nhạy tương quan: ≥ 91% , Độ đặc hiệu tương quan: ≥ 97% - Thành phần Test thử: Cộng hợp vàng kháng thể kháng virut cúm A cộng hợp vàng kháng thể kháng virut cúm B - Vạch T1 kháng thể kháng kháng nguyên virut cúm A - Vạch T2 kháng thẻ kháng kháng nguyên virut cúm B - Vạch chứng kháng thể dê kháng IgG chuột - Không phản ứng chéo với mẫu phẩm Adenovirus, HSV-1... - Bảo quản nhiệt độ thường	1	Test	3.000	84.000	252.000.000
283	3	Test nhanh chẩn đoán sốt xuất huyết Dengue NS1/IgG/IgM	Đạt tiêu chuẩn ISO13485- Phát hiện kháng nguyên Vius Dengue ag(Den 1,2,3,4) và phân biệt kháng thể IgG và IgM- Mẫu thử: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần- Test bên trái (Dengue IgG/IgM): + Vùng cộng hợp: Cộng hợp vàng kháng nguyên Dengue, cộng hợp vàng kháng thể IgY gà + Vạch kết quả G:	1	Test	4.000	83.160	332.640.000

			Kháng thể chuột kháng IgG người + Vạch kết quả M: Kháng thể chuột kháng IgM người + Vạch chứng: Kháng thể dê kháng IgY gà - Test bên phải (Dengue Ag): + Vùng cộng hợp: Cộng hợp vàng kháng thể kháng Dengue NS1, Cộng hợp vàng kháng thể IgY gà + Vạch kết quả: Kháng thể chuột kháng Dengue NS1 + Vạch chứng: Kháng thể dê kháng IgY gà- Không phản ứng chéo với mẫu phẩm HAV, HBV, HCV, HIV, H.pylori...- Bảo quản ở nhiệt độ thường					
284	4	Test nhanh chẩn đoán viêm gan A IgG/IgM)	Đạt tiêu chuẩn ISO13485 - Định tính phát hiện HAV trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Sử dụng mẫu thử huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy tương quan: ≥ 90% , Độ đặc hiệu tương quan: ≥ 97% - Phát hiện các kháng thể IgM - Vùng cộng hợp được phủ cộng hợp vàng kháng thể chuột kháng IgG người - Vạch kết quả kháng nguyên HAV tái tổ hợp - Vạch chứng: Được phủ bởi kháng thể dê kháng IgG chuột - Không phản ứng chéo với mẫu Dengue, HBV, HCV, HEV, HIV, Malaria, TB... - Bảo quản kit thử ở nhiệt độ thường	1	Test	100	34.655	3.465.500
285	5	Test nhanh chẩn đoán viêm gan C	Đạt tiêu chuẩn ISO13485 - Mẫu phẩm huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Phát hiện kháng thể kháng HCV trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người - Độ nhạy: 100%, Độ đặc hiệu: 100 % - Thành phần Kit thử: Cộng hợp vàng kháng thể đơn dòng kháng IgG người - Vạch kết quả kháng nguyên HCV-210 - Vạch chứng IgG người - Bảo quản ở nhiệt độ thường	6	Test	3.000	9.975	29.925.000
286	6	Test nhanh thử HBeAg	Đạt tiêu chuẩn ISO13485- Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần- Phát hiện HbeAg-Độ nhạy tương quan ≥ 96%, Độ đặc hiệu tương quan ≥ 99%- Thành phần Kit thử: Vùng cộng hợp: Kháng thể đơn dòng kháng HBe (0,16 µg);- Vạch kết quả : Kháng thể đơn dòng kháng HBe (0,2 µg); Vạch chứng: Kháng thể đa dòng dê kháng chuột (0,88 µg)- Bảo quản ở nhiệt độ thường	6	Test	100	9.030	903.000
287	7	Test nhanh thử HP dạ dày	Đạt tiêu chuẩn ISO13485 - Sử dụng mẫu thử máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương - Phát hiện các kháng thể IgG, IgA, IgM.. - Độ nhạy tương quan: ≥ 86% , Độ đặc hiệu tương quan: ≥ 91%	1	Test	100	24.150	2.415.000

			- Vùng cộng hợp được phủ cộng hợp vàng kháng nguyên H.Pylori&IgG thỏ - Vạch kết quả kháng thể chuột kháng IgG người - Vạch chứng: Kháng thể dê kháng IgG thỏ. - Bảo quản ở nhiệt độ thường					
288	8	Test nhanh thử thai	Đạt tiêu chuẩn ISO13485 - Mẫu thử: Nước tiểu, huyết thanh - Ngưỡng phát hiện: 10mIU/mL - Độ nhạy tương quan: 100% , Độ đặc hiệu tương quan: 100% - Vùng cộng hợp: cộng hợp vàng kháng thể kháng hCG, IgY gà; - Vạch kết quả: kháng thể kháng hCG; - Vạch chứng: kháng thể dê kháng IgY gà - Bảo quản nhiệt độ thường	1	Test	500	7.875	3.937.500
289	9	Test nhanh chẩn đoán HIV	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Độ nhạy 100% , độ đặc hiệu ≥ 99,5%, - Thời gian cho kết quả: ≤ 15 phút, - Độ ổn định của kết quả xét nghiệm ≥ 60 phút. - Hàm lượng chính: Antibody, anti HIV-1, Antibody,Anti HIV-2, Antigen (pGO9-CKS/XL-1) HIV-1 Group O, Antigen,(pGO11-CKS/XL-1) HIV-1 Group O,Antigen,(PjC100)HIV-2, Antigen,(pOM10/PV361) HIV-1, Antigen, (pTB319/XL-1)HIV-1, HIV-1 Peptide Antigen, HIV-2 peptide Antigen.	3	Test	6.000	39.218	235.305.000
290	10	Test nhanh chẩn đoán giang mai	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Độ nhạy ≥ 92% , độ đặc hiệu 100%, - Thời gian cho kết quả: ≤ 15 phút, - Độ ổn định của kết quả xét nghiệm ≥ 24 giờ - Hoạt chất chính: Treponema pallidium Antigen	3	Test	1.000	26.250	26.250.000
291	11	Test nhanh chẩn đoán viêm gan B	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Chứng chỉ xét nghiệm: CE IVD; WHO PQ. - Độ nhạy ≥ 98% , độ đặc hiệu ≥ 99,5%; - Giới hạn phát hiện ≥ 0,1IU/ml. - Thời gian cho kết quả: ≤ 15 phút,- Độ ổn định của kết quả xét nghiệm ≥ 30 phút- Mẫu bệnh phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu tĩnh mạch, máu đầu ngón tay của ngườii. - Thành phần tại vạch test: Kháng thể đơn dòng ở chuột kháng HbsAg Biotinyl và các hạt màu đen được phủ kháng thể đơn dòng ở chuột kháng HBsAg.- Hàm lượng : Anti-HBs antibody A1 (233ng/Test); Anti-HBs antibody B1 (17 ng/Test); Anti-HBs antibody B2 (6 ng/Test); Anti-HBs antibody B3 (6 ng/Test); Kháng thể trên thanh kiểm soát (17 ng/Test)- Xét nghiệm phát hiện được ít nhất 14 đột biến khác nhau của HbsAg bao gồm: P120Q, T123A, T126N, T126S, Q129R, Q129H, Q129L, M133H, M133L, K141E, P142S, T143K, D144A và	3	Test	7.000	31.500	220.500.000

			G145R.					
292	12	Test thử ma túy tổng hợp 4 chân	Phát hiện các chất gây nghiện sau: - Methamphetamine (MET) – ma túy đá - Marijuana (THC) – cần sa - Methylenedioxymethamphetamine (MDMA) – Ecstasy. thuốc lắc - Morphine (MOP)	6	Test	3.000	63.000	189.000.000
293	13	Test nhanh chẩn đoán vi rút gây viêm não và tay chân miệng (EV 71)	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Định tính phát hiện kháng thể IgM kháng EV71 trong (huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần) - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần. Thành phần Kit thử: 1. Kháng thể EV71 (EV71 antibody): 20 µg/ml; 2. Kháng nguyên EV71 (EV71 antigen): 0,175 mg/ml; 3. Kháng thể kháng chuỗi µ-IgM người (Anti-human IgM µ-chain antibody): 1,5 mg/ml 4. Kháng thể đa dòng kháng IgG chuột (Anti-mouse polyclonal antibody): 2,0 mg/ml - Không phản ứng chéo với HBV-IgM, HIV-IgG, HCV-IgG	4	Test	1.000	66.500	66.500.000
294	14	Test nhanh chẩn đoán vi rút gây tiêu chảy (Rotavirus)	Đạt tiêu chuẩn ISO13485- Định tính phát hiện kháng nguyên vi rút Rota trong mẫu phân của người. - Mẫu thử: phân người - Độ nhạy: 100% ; Độ đặc hiệu: ≥ 97% ; - Khoảng tin cậy: ≥ 95% - Thành phần Test thử: Cộng hợp vàng kháng thể kháng virut Rota #1 kháng thể IgY gà + Vạch kết quả kháng thể kháng Virut Rota #2 + Vạch chứng kháng thể dê kháng IgG gà. - Bảo quản nhiệt độ thường	4	Test	1.000	65.625	65.625.000
295	15	Test nhanh chẩn đoán vi rút hợp bào hô hấp (RSV)	Đạt tiêu chuẩn ISO13485 Phát hiện kháng nguyên RSV trong mẫu dịch mũi họng người - Độ nhạy: ≥ 98%; Độ đặc hiệu: ≥ 99%. - Thành phần: Cộng hợp vàng - kháng thể đơn dòng chuột kháng RSV; + Vạch thử: Kháng thể đơn dòng chuột kháng RSV; + Vạch chứng: Kháng thể dê kháng IgG chuột; Màng Nitrocellulose; Đệm cộng hợp; Đệm mẫu; Đệm hấp thụ.	6	Test	1.000	153.000	153.000.000
6. Gói thầu số 12: 21 mặt hàng là các vật tư, vật liệu sửa chữa, thay thế								**330.345.430**
296	1	Lõi lọc PP sợi cuốn 10inch	Chất liệu: Polypropylen Kích thước: 10 inch	Không phân nhóm	Cái	40	47.142	1.885.680
297	2	Lõi lọc PP sợi cuốn 20inch	Chất liệu: Polypropylen Kích thước: 20 inch	Không phân nhóm	Cái	40	57.200	2.288.000
298	3	Lõi lọc PP xếp nếp 10inch	- Chất liệu: Polypropylene, - Màng lọc gấp nếp tự nhiên hoặc hàn nhiệt không chất kết dính. - Kích thước: 10 inch.	Không phân nhóm	Cái	60	100.000	6.000.000

299	4	Lõi lọc tinh	Màng lọc RO 100	Không phân nhóm	Cái	20	757.900	15.158.000
300	5	Lõi lọc thô	- Chất liệu: Nhựa polypropylene nguyên sinh. - Dùng để loại bỏ tạp chất cặn bẩn.	Không phân nhóm	Cái	12	62.640	751.680
301	6	Màng RO áp cao DOW 4040	Kích thước: Φ 4" x 40 Áp cao 225psi	Không phân nhóm	Cái	8	3.000.000	24.000.000
302	7	Màng lọc EF-02	Dùng để thay cho hệ thống lọc nước RO	Không phân nhóm	Cái	6	1.930.500	11.583.000
303	8	Muối tinh khiết dạng viên nén	Natri clorua tồn tại ở dạng viên hoặc hạt có màu trắng và không mùi.Tỷ trọng: 2,16 g/cm3pH= 7Nhiệt độ sôi: 1465 oCNhiệt độ nóng chảy: 801oCĐộ hòa tan: 35,9 g/ 100 ml.	Không phân nhóm	Kg	4.000	7.500	30.000.000
304	9	Sỏi lọc nước	Màu sắc: trắng, vàng, nâu nhẹ Kích thước Đủ kích thước: 2-4mm, 4-8mm, 5-10mm, 10–20mm, 25-40mm… Tỷ trọng: 1400kg/m3 – 1,4kg/lít	Không phân nhóm	Bao	5	175.000	875.000
305	10	Than hoạt Norit	Hình dạng: dạng hạt, màu đen, nhiều góc cạnh Kích cỡ hạt: 0,7 – 3,15 mm Khử màu, khử mùi, loại bỏ nhiều tạp chất độc hại	Không phân nhóm	Kg	75	150.000	11.250.000
306	11	Hạt nhựa lọc nước	- Gồm các hạt nhựa trao đổi Ion, trong đó là các loại hạt nhựa có tính trao đổi Cation (có tính Acid mạnh) và trao đổi Anion (tính Bazo mạnh) - Dùng cho hệ thống RO để loại bỏ triệt để độ dẫn điện trong nước. - Túi 25kg	Không phân nhóm	Túi	50	223.300	11.165.000
307	12	Hạt nhựa trao đổi ion	Là loại hạt không hòa tan và có chứa các ion có thể dễ dàng trao đổi với các ion khác trong dung dịch phản ứng với nó. Sự trao đổi này không làm biến đổi tính chất vật lý của vật liệu trao đổi ion.	Không phân nhóm	Kg	400	60.000	24.000.000
308	13	Bo áp lực	Dùng để thay thế cho máy chạy thận nhân tạo DBB27 của hãng Nikkiso, Nhật Bản	Không phân nhóm	Cái	1	4.331.250	4.331.250
309	14	Hộp số bơm đôi	Dùng để thay thế cho máy chạy thận nhân tạo DBB27 của hãng Nikkiso, Nhật Bản	Không phân nhóm	Cái	5	8.470.000	42.350.000
310	15	Van hút dịch AB	Dùng để thay thế cho máy chạy thận nhân tạo DBB27 của hãng Nikkiso, Nhật Bản	Không phân nhóm	Cặp	2	1.326.160	2.652.320
311	16	Van 1 chiều bơm đôi	Dùng để thay thế cho máy chạy thận nhân tạo DBB27 của hãng Nikkiso, Nhật Bản	Không phân nhóm	Cái	20	539.000	10.780.000
312	17	Gioăng bơm hút dịch	Dùng để thay thế cho máy chạy thận nhân tạo DBB27 của hãng Nikkiso, Nhật Bản	Không phân nhóm	Cái	60	351.505	21.090.300
313	18	Gioăng bơm siêu lọc	Dùng để thay thế cho máy chạy thận nhân tạo DBB27 của hãng Nikkiso, Nhật Bản	Không phân nhóm	Cái	60	387.200	23.232.000
314	19	Vòng bi 608SKF	Dùng để thay thế cho máy chạy thận nhân tạo DBB27 của hãng	Không phân	Cái	60	154.000	9.240.000

			Nikkiso, Nhật Bản	nhóm				
315	20	Phớt bơm	Dùng để thay thế cho máy chạy thận nhân tạo DBB27 của hãng Nikkiso, Nhật Bản	Không phân nhóm	Cái	40	1.800.000	72.000.000
316	21	Bộ dây tải chuyển động	Dùng để thay thế cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2	Không phân nhóm	Chiếc	1	5.713.200	5.713.200
		Tổng cộng: 316 mặt hàng						**8.546.418.036**